

Số: 3843/BC-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 04 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2023; Dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024
(Trình kỳ họp thứ mười bốn, Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu
khoá IV, nhiệm kỳ 2021-2026)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023, dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024 như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

Nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 được triển khai thực hiện trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức: Kinh tế - xã hội vẫn còn chịu ảnh hưởng sau đại dịch Covid - 19, sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn; thị trường bất động sản trầm lắng chưa có dấu hiệu phục hồi đã ảnh hưởng đến nguồn lực thực hiện dự án đầu tư công... Trước bối cảnh đó, Ủy ban nhân dân thành phố đã quyết liệt chỉ đạo điều hành nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2023 theo đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh trong đó nghiêm túc thực hiện quy định của Chính phủ về chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh, chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

Trên cơ sở đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 như sau:

I. THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

Dự toán thu ngân sách địa phương HĐND thành phố giao năm 2023 là 468.168 triệu đồng. Ước thực hiện năm 2023 là 517.929 triệu đồng, đạt 111% so với dự toán tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao. Nếu loại trừ các khoản thu kết dư, thu chuyển nguồn là 77.614 triệu đồng thì thực chất tổng thu ngân

sách địa phương ước thực hiện là 440.315 triệu đồng, đạt 94% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, cụ thể:

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn HĐND thành phố giao là 207.000 triệu đồng. Ước thực hiện năm 2023 là 132.900 triệu đồng, đạt 65% so với dự toán tỉnh giao và đạt 64% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, đạt 113% so với thực hiện năm 2022. Thu cân đối ngân sách (*loại trừ khoản thu tiền sử dụng đất*) là 88.555 triệu đồng, đạt 104% so với dự toán tỉnh giao và đạt 100% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, trong đó:

1.1. Thu thuế ngoài quốc doanh: Dự toán giao 38.150 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 43.000 triệu đồng, đạt 118% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 113% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao. Khoản thu tăng chủ yếu do UBND thành phố đã chỉ đạo thực hiện tốt việc quản lý nợ thuế và đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn.

1.2. Lệ phí trước bạ: Dự toán giao 26.000 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 23.000 triệu đồng, đạt 92% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 88% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao. Chỉ tiêu thu này không đạt do khoản thu chủ yếu phát sinh từ hoạt động mua bán, chuyển nhượng, đăng ký xe ô tô, xe máy nhưng năm 2023 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2023/NĐ-CP về việc giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ lần đầu với ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước nên khoản thu lệ phí trước bạ đối với ô tô giảm không hoàn thành chỉ tiêu giao

1.3. Thuế thu nhập cá nhân: Dự toán giao 9.950 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 11.000 triệu đồng, đạt 116% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 111% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao.

1.4. Thu phí, lệ phí: Dự toán giao 3.000 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 3.463 triệu đồng, đạt 115% so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao.

1.5. Thu tiền sử dụng đất: Dự toán giao 116.800 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 40.000 triệu đồng, đạt 34% so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao. Năm 2023 thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng, nhu cầu giao dịch về đất đai trong nhân dân ít phát sinh. Trong năm, Ủy ban nhân dân thành phố đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 49 thửa đất nhưng kế hoạch đấu giá đất không thành công nên chỉ tiêu thu này giảm, không đảm bảo theo kế hoạch giao thu.

1.6. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: Dự toán giao 10.000 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 6.600 triệu đồng, đạt 67% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 66% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao. Nguyên nhân do năm 2023 tiếp tục thực hiện chính sách của Chính phủ về giảm tiền thuê đất đối với doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn và phục hồi phát triển kinh tế sau đại dịch

1.7. Thu khác ngân sách: Dự toán giao 3.000 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 5.830 triệu đồng, đạt 194% (tăng 2.830 triệu đồng) so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao. Khoản thu này tăng cao do Ủy ban nhân dân thành phố đã quyết liệt đôn đốc các đơn vị thực hiện thu hồi sau kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, phê duyệt quyết toán và thu tiền phạt vi phạm hành chính trên địa bàn.

1.8. Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý: 7 triệu đồng, chỉ tiêu này phát sinh ngoài dự toán được giao.

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:

Dự toán giao 286.278 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 319.760 triệu đồng, đạt 112% so với dự toán tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao. Bao gồm:

- Thu bổ sung cân đối: 214.474 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 105.286 triệu đồng, tăng 33.482 triệu đồng¹ so với dự toán tỉnh giao đầu năm.

3. Thu kết dư ngân sách: 5.116 triệu đồng

- Thu kết dư ngân sách thành phố: 4.974 triệu đồng
- Thu kết dư ngân sách xã: 142 triệu đồng

4. Thu chuyển nguồn ngân sách: 72.498 triệu đồng, bao gồm:

- Thu chuyển nguồn ngân sách thành phố: 67.692 triệu đồng
- Thu chuyển nguồn ngân sách xã, phường: 4.806 triệu đồng

(Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo)

II. THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành chi NSNN

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện dự toán chi NSNN năm 2023², đảm bảo tiết kiệm, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách; việc

¹ Thu bổ sung có mục tiêu năm 2023 tăng 33.482 triệu đồng do trong năm Tỉnh bổ sung các nhiệm vụ: KP thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐB DTTS và miền núi 6.065 triệu đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 1.447 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng NTM 1.883 triệu đồng; KP chỉnh trang đô thị và các hoạt động chào mừng kỷ niệm 20 năm chia tách thành lập tỉnh Lai Châu 14.500 triệu đồng; KP xác định giá đất cụ thể 1.453 triệu đồng; KP thực hiện các chế độ, chính sách 1.698 triệu đồng; KP lập đồ án quy hoạch phân I trên địa bàn thành phố 2.744 triệu đồng; KP thực hiện Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh 950 triệu đồng; KP khắc phục hậu quả thiên tai 2.500 triệu đồng; KP thực hiện NQ số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy 242 triệu đồng.

² Công văn số 165/UBND-TCKH ngày 07/02/2023 về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND thành phố về việc ban hành chương trình công tác trọng tâm của UBND thành phố Lai Châu năm 2023; Kế hoạch số 875/KH-BCĐ ngày 11/4/2023 của Ban chỉ đạo chống thất thu ngân sách và thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2023; Công văn số 972/UBND-TCKH ngày 20/4/2023 triển khai thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 2157/UBND-TCKH ngày 03/8/2023 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước...

quản lý, mua sắm, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

Trước tình hình thu ngân sách còn gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn phải đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán và xử lý kịp thời các nhiệm vụ đột xuất phát sinh cho công tác phòng chống dịch bệnh, phòng chống thiên tai, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng an ninh, tổ chức các hoạt động phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch của địa phương. Ủy ban nhân dân thành phố đã chủ động điều hành chi NSNN chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, bố trí trong phạm vi dự toán được giao để thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng.

2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ở các lĩnh vực chi NSNN

Dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao 468.168 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 509.577 triệu đồng, đạt 109% so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

Chi tiết các lĩnh vực chi cụ thể như sau:

2.1. Chi cân đối ngân sách địa phương

Dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao là 453.666 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 474.794 triệu đồng, đạt 105% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao, chi tiết như sau:

a. Chi đầu tư phát triển

Dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao 83.005 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 115.017 triệu đồng, đạt 139% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao, trong đó:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: Dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao 20.766 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 22.004 triệu đồng, đạt 106% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao (*trong đó: thanh toán tạm ứng nguồn chi chuyển nguồn năm trước chuyển sang là 1.631 triệu đồng*).

- Nguồn vốn Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: Dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao 10.739 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 10.739 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

- Nguồn thu sử dụng đất: Dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao 51.500 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 62.386 triệu đồng, đạt 121% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao (*trong đó: thanh toán tạm ứng từ nguồn chi chuyển nguồn năm trước chuyển sang là 16.247 triệu đồng*).

- Nguồn vốn tỉnh bổ sung cho ngân sách thành phố thực hiện các dự án chỉnh trang đô thị phục vụ kỷ niệm 20 năm chia tách, thành lập tỉnh: Ước thực hiện 14.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn tăng thu ngân sách thành phố năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023: Ước thực hiện 4.254 triệu đồng.

- Nguồn tiết kiệm chi ngân sách năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023: Ước thực hiện 1.634 triệu đồng.

b. Chi thường xuyên:

Dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao 319.360 triệu đồng, ước thực hiện năm 2023 là 350.933 triệu đồng, đạt 110% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao; dự toán chi đã đáp ứng các nhiệm vụ theo dự toán và xử lý kịp thời các nhiệm vụ đột xuất phát sinh về phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội. Các nhiệm vụ chi cụ thể như sau:

(1) *Chi sự nghiệp kinh tế*: Ước thực hiện 72.642 triệu đồng, đạt 113% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao. Do trong năm các đơn vị được bổ sung kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh như: Quy hoạch phân khu I thành phố Lai Châu, kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai, kinh phí tổ chức xác định giá đất cụ thể theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định 696/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 và một số nhiệm vụ khác.

(2) *Chi sự nghiệp môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh*: Ước thực hiện 3.000 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

(3) *Sự nghiệp giáo dục - đào tạo*: Ước thực hiện 186.531 triệu đồng, đạt 109% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao. Do trong năm được bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ, kinh phí mở các lớp xóa mù chữ trên địa bàn thành phố.

(4) *Sự nghiệp văn hóa - thông tin*: Dự toán giao 2.196 triệu đồng, ước thực hiện 3.203 triệu đồng, đạt 146% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao. Nguyên nhân do trong năm được bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ như: Hoạt động tại phố đi bộ Hoàng Diệu, kinh phí tổ chức các hoạt động kỷ niệm 20 năm chia tách thành lập tỉnh, tổ chức Tuần văn hóa thể thao & du lịch thành phố Lai Châu lần thứ nhất năm 2023...

(5) *Sự nghiệp thể thao*: Dự toán giao 680 triệu đồng, ước thực hiện 680 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

(5) *Sự nghiệp truyền thanh*: Dự toán giao 1.900 triệu đồng, ước thực hiện 1.980 triệu đồng, đạt 104% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

(6) *Chi đảm bảo xã hội*: Dự toán giao 7.557 triệu đồng, ước thực hiện 7.608 triệu đồng, đạt 101% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

(7) *Chi Quản lý hành chính*: Dự toán giao 34.498 triệu đồng, ước thực hiện 34.969 triệu đồng, đạt 108% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao. Nguyên nhân do các cơ quan, đơn vị được bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ.

(8) *Chi An ninh - Quốc phòng*: Dự toán giao 5.127 triệu đồng, ước thực hiện 5.606 triệu đồng, đạt 109% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố

giao. Nguyên nhân tăng do trong năm địa phương thực hiện hỗ trợ các đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh như: kinh phí thực hiện Nghị quyết 12-NQ/TU của Ban Thường vụ tỉnh ủy về xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh trật tự và văn minh đô thị giai đoạn 2023-2030; kinh phí biên soạn cuốn lịch sử đảng bộ quân sự thành phố Lai Châu; hỗ trợ kinh phí thực hiện 75 ngày đêm thu nhận và cấp căn cước công dân, kích hoạt tài khoản định danh điện tử trên địa bàn thành phố và một số nhiệm vụ quan trọng khác.

(9) *Chi ngân sách xã*: Dự toán giao 30.678 triệu đồng, ước thực hiện 33.704 triệu đồng, đạt 110% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao. Nguyên nhân tăng do được bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ và một số nhiệm vụ khác phát sinh trong năm.

(10) *Chi khác ngân sách*: Dự toán giao 980 triệu đồng, ước thực hiện 1.010 triệu đồng, đạt 103% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

c. Dự phòng ngân sách:

Dự toán giao đầu năm là 6.472 triệu đồng (*trong đó: ngân sách thành phố 5.732 triệu đồng, ngân sách xã 740 triệu đồng*), ước thực hiện năm 2023 là 7.854 triệu đồng, Bao gồm:

- Ước thực hiện chi nguồn dự phòng ngân sách thành phố 7.114 triệu đồng (*trong đó: Nguồn dự phòng năm 2023 là 5.732 triệu đồng; nguồn chi chuyển nguồn năm trước sang là 1.382 triệu đồng*).

- Ước thực hiện chi dự phòng ngân sách xã là 740 triệu đồng.

d. Chi từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2023: Dự toán giao 3.300 triệu đồng (*trong đó để lại 70% thực hiện CCTL theo quy định là 2.310 triệu đồng*), số ước thực hiện năm 2023 là 990 triệu đồng.

2.2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu

a) Nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Tổng nguồn vốn NSTW được giao của 03 Chương trình MTQG năm 2023 là 22.073 triệu đồng (*trong đó: Vốn đầu tư là 11.032 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 11.041 triệu đồng*). Kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết 20.263 triệu đồng (*vốn đầu tư là 11.032 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 9.231 triệu đồng*). Ước thực hiện năm 2023 là 16.469 triệu đồng (*bao gồm cả nguồn vốn năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023*), đạt 81% so với dự toán đã phân bổ chi tiết, bao gồm:

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 916 triệu đồng.

+ *Vốn sự nghiệp: 916 triệu đồng*

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 5.679 triệu đồng.

+ *Vốn đầu tư: 3.699 triệu đồng*

+ *Vốn sự nghiệp: 1.980 triệu đồng*

- Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 9.874 triệu đồng.

+ *Vốn đầu tư: 7.333 triệu đồng*

+ *Vốn sự nghiệp: 2.541 triệu đồng*

b) Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025:

Dự toán giao 4.630 triệu đồng, ước thực hiện 5.060 triệu đồng (*trong đó nguồn năm trước chuyển sang 430 triệu đồng*), đạt 109% so với dự toán giao.

2.3. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên nguồn kinh phí hết nhiệm vụ chi:
Ước thực hiện 13.254 triệu đồng (*trong đó vốn Chương trình MTQG 7.757 triệu đồng; vốn bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi năm 2022 chuyển sang năm 2023: 5.497 triệu đồng*).

(Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo)

3. Công tác thu hồi nợ đọng thuế năm 2023

- Tổng số nợ đọng thuế năm 2022 chuyển sang năm 2023: 8.783 triệu đồng (*Trong đó: Nợ có khả năng thu là 2.894 triệu đồng; nợ chờ điều chỉnh là 5.889 triệu đồng*)

- Tổng số nợ đọng thuế phát sinh năm 2023 đến thời điểm báo cáo là 38.232 triệu đồng

- Số thu nợ đọng thuế đến thời điểm báo cáo là 27.492 triệu đồng (*Trong đó: Thu nợ năm trước là 2.740 triệu đồng; Thu nợ năm 2023 là 24.751 triệu đồng; Thu bằng biện pháp quản lý nợ là 25.472 triệu đồng; thu bằng biện pháp cưỡng chế nợ là 2.020 triệu đồng*).

- Số nợ đọng thuế còn phải thu đến thời điểm báo cáo là 19.523 triệu đồng (*Trong đó: Nợ có khả năng thu là 19.337 triệu đồng; nợ chờ điều chỉnh là 186 triệu đồng*).

4. Báo cáo tình hình thực hiện thu hồi theo kết luận của thanh tra, kiểm toán năm 2023

- Tổng số kiến nghị phải thu hồi nộp NSNN theo kết luận thanh tra thành phố trong năm 2023 là: 1.918,1 triệu đồng (*trong đó: số kiến nghị chưa thực hiện những năm trước chuyển sang 345,4 triệu đồng, số kiến nghị phát sinh trong năm 2023 là 1.572,7 triệu đồng*), đến thời điểm báo cáo đã thu hồi nộp NSNN 94,9 triệu đồng, đạt 5% tổng số kiến nghị phải thu hồi.

- Tổng số kiến nghị phải thu hồi nộp NSNN theo kết luận kiểm toán nhà nước trong năm 2023 là: 90 triệu đồng (*Ban quản lý dự án*), đây là số kiến nghị chưa thực hiện những năm trước chuyển sang, trong năm 2023 không phát sinh kiến nghị thu hồi theo kết luận kiểm toán nhà nước. Đến nay số kiến nghị này

vẫn chưa thực hiện, nguyên nhân do nhà thầu thực hiện dự án không còn hoạt động trên địa bàn nên việc thu hồi gặp rất nhiều khó khăn.

Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện các kiến nghị theo quy định.

5. Đánh giá chung:

5.1. Ưu điểm

Công tác quản lý điều hành thu, chi ngân sách nhà nước đều được UBND thành phố chỉ đạo thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Luật NSNN, các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh. Thu cân đối ngân sách dự ước đạt 104% so với dự toán tỉnh giao và đạt 100% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao. Cân đối thu, chi được bảo đảm đã đáp ứng yêu cầu chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thành phố; chi cho các nhiệm vụ chính trị, thực hiện các Đề án, Nghị quyết của tỉnh, thành phố và nhiệm vụ phòng chống thiên tai, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn thành phố.

Trong công tác quản lý vốn đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện nghiêm Luật đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân nguồn vốn đầu tư công theo quy định, các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư, điều hành dự án đã thực hiện tuân thủ theo các nguyên tắc quản lý vốn đầu tư, thanh quyết toán theo đúng quy định

Các cơ quan, đơn vị đã chủ động tổ chức thực hiện dự toán, đúng nội dung dự toán giao; quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo thực hiện đúng chế độ chính sách, đúng dự toán được duyệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí và phòng chống tham nhũng; thực hiện triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, chi hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Mặc dù thu cân đối ngân sách ước đạt 100% so với dự toán thành phố giao, nhưng thu ngân sách trên địa bàn trong năm ước thực hiện chỉ đạt 64% dự toán giao. Nguyên nhân chủ yếu do tiền thu sử dụng đất đạt thấp (*ước đạt 34% so với dự toán tỉnh và thành phố giao*); năm 2023 thành phố đã tổ chức đấu giá đối với 49 thửa đất đủ điều kiện đấu giá nhưng do thị trường bất động sản trầm lắng kế hoạch đấu giá không hoàn thành nên nguồn thu sử dụng đất đạt thấp.

6. Một số giải pháp chủ yếu nhằm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ NSNN năm 2023

Với quyết tâm phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2023 đã được HĐND thành phố giao, bên cạnh việc tiếp tục tập trung thực hiện tốt các giải pháp đã đề ra theo chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh, Thành ủy và HĐND thành phố; UBND đề ra một số giải pháp trọng tâm như sau:

(1) Tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành Trung

ương (*miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế,...*); phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành trong công tác thu hút các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố.

(2) Chủ động cân đối, đảm bảo tập trung nguồn lực để chi cho công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai...; chi cho các chính sách an sinh xã hội và các nhiệm vụ cấp bách phát sinh.

(3) Tiếp tục tăng cường thực hiện các giải pháp chống thất thu ngân sách, quản lý chặt chẽ việc hoàn thuế; chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra về thuế; có kế hoạch, phân công cụ thể việc đôn đốc xử lý thu hồi nợ đọng thuế.

(4) Điều hành chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, trong phạm vi dự toán được giao. Kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách an sinh xã hội.

Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh giải ngân hết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm tăng thu ngân sách, điều hành chi ngân sách hiệu quả, tiết kiệm.

(5) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn trên cơ sở kết quả trúng đấu giá đất năm 2023, kịp thời ban hành thông báo và hướng dẫn người trúng đấu giá quyền sử dụng đất thu nộp vào ngân sách nhà nước kịp thời trong năm 2023. Chủ động, linh hoạt các biện pháp để giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công từ nguồn thu sử dụng đất năm 2023.

(6) Tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công (nhà, đất, xe ô tô, máy móc, thiết bị) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn để bố trí sử dụng, xử lý tài sản dôi dư theo đúng tiêu chuẩn, định mức và quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh.

(7) Nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách. Tăng cường công tác công tác tự kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng nguồn vốn chống thất thoát, lãng phí và phòng chống tham nhũng.

Phần thứ hai

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2024

Năm 2024 là năm bứt phá để thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IV, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch - tài chính ngân sách nhà nước 3 năm 2024-2026; Dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Ủy ban nhân dân thành phố xác định mục tiêu nhiệm vụ NSNN năm 2024 là: Tổ chức điều hành chính sách tài khóa chủ động, linh hoạt, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, đảm bảo nguồn lực thực hiện chính sách cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội gắn với đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ và lộ trình tinh giản biên chế theo các Nghị quyết của Trung ương, Kế hoạch của tỉnh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên.

Trên cơ sở đánh giá thu ngân sách năm 2023, dự kiến tình hình phát triển kinh tế xã hội năm 2024. Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024, cụ thể như sau:

I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

1. Thu ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương: 481.292 triệu đồng (*Bao gồm: Thu ngân sách trên địa bàn thành phố hưởng: 162.150 triệu đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 319.142 triệu đồng*). Cụ thể:

1.1. Thu NSNN trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn 182.600 triệu đồng, các chỉ tiêu thu ngân sách như sau:

- (1) Thu thuế ngoài quốc doanh: 42.000 triệu đồng
- (2) Lệ phí trước bạ: 24.900 triệu đồng
 - Ngân sách thành phố hưởng: 24.074 triệu đồng
 - Ngân sách xã, phường hưởng: 826 triệu đồng
- (3) Thuế thu nhập cá nhân: 11.600 triệu đồng
- (4) Thu phí, lệ phí: 4.000 triệu đồng
 - Ngân sách Trung ương hưởng: 800 triệu đồng
 - Ngân sách thành phố hưởng: 2.645 triệu đồng
 - Ngân sách xã, phường hưởng: 555 triệu đồng
- (5) Thu tiền sử dụng đất: 85.000 triệu đồng
 - Ngân sách tỉnh hưởng: 17.000 triệu đồng
 - Ngân sách thành phố hưởng: 68.000 triệu đồng
- (6) Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 10.650 triệu đồng
- (7) Thu khác ngân sách: 4.350 triệu đồng
 - Ngân sách Trung ương hưởng: 2.600 triệu đồng
 - Ngân sách tỉnh hưởng: 50 triệu đồng
 - Ngân sách thành phố hưởng: 1.490 triệu đồng
 - Ngân sách xã, phường hưởng: 210 triệu đồng

(8) Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích: 100 triệu đồng

1.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 319.142 triệu đồng, (bao gồm: Bổ sung cân đối 245.037 triệu đồng, Bổ sung có mục tiêu 61.953 triệu đồng; Bổ sung Chương trình MTQG 12.152 triệu đồng).

2. Giao dự toán thu NSNN trên địa bàn

2.1. Ngân sách thành phố: 180.445 triệu đồng

2.2. Ngân sách xã, phường: 2.155 triệu đồng

- Phường Đoàn Kết: 410 triệu đồng

- Phường Tân Phong: 760 triệu đồng

- Phường Quyết Thắng: 115 triệu đồng

- Phường Quyết Tiến: 165 triệu đồng

- Phường Đông Phong: 550 triệu đồng

- Xã San Thành: 125 triệu đồng

- Xã Sùng Phái: 30 triệu đồng

(Chi tiết theo Phụ lục III, VI kèm theo)

II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi ngân sách địa phương là 481.292 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 469.140 triệu đồng, bao gồm:

1.1. Chi đầu tư phát triển: Dự toán 81.227 triệu đồng, chiếm 17% tổng chi ngân sách địa phương, trong đó:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: 21.677 triệu đồng.

- Nguồn vốn Đề án phát triển hạ tầng vùng SXNN hàng hóa tập trung: 8.050 triệu đồng.

- Nguồn thu sử dụng đất: 51.500 triệu đồng.

1.2. Chi thường xuyên: Dự toán 362.131 triệu đồng, chiếm 75% tổng chi ngân sách địa phương, chi tiết như sau:

(1) Chi sự nghiệp kinh tế: 70.491 triệu đồng, bao gồm:

- Chi sự nghiệp nông nghiệp: 2.623 triệu đồng

- Sự nghiệp giao thông: 1.000 triệu đồng

- Sự nghiệp thủy lợi: 3.000 triệu đồng

- Sự nghiệp kinh tế khác: 5.989 triệu đồng

- Chi công tác kiểm kê, thống kê đất đai, lập hoạch sử dụng đất, .. từ nguồn thu sử dụng đất năm 2024: 3.191 triệu đồng

- Hỗ trợ có mục tiêu: 52.324 triệu đồng

Đã đảm bảo các nhiệm vụ chỉ về hoạt động sự nghiệp môi trường, kinh phí duy trì, chăm sóc cây xanh đô thị; vận hành, sửa chữa điện chiếu sáng và một số các nhiệm vụ chỉ sự nghiệp kinh tế trên địa bàn thành phố

- Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết: 2.364 triệu đồng³

(2) Chi sự nghiệp môi trường theo Nghị quyết 44/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh: 3.000 đồng.

(3) Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 191.881 triệu đồng, chiếm 40% tổng chi ngân sách địa phương. Trong đó:

- Chi sự nghiệp Giáo dục: 189.858 triệu đồng

Dự toán phân bổ đảm bảo các nội dung chi của biên chế sự nghiệp giáo dục, kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh theo các quy định của Trung ương⁴, các chế độ, chính sách theo chính sách của tỉnh quy định⁵; hỗ trợ kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và cơ sở vật chất các trường, lớp học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới, lớp học thông minh; Hỗ trợ kinh phí duy trì hoạt động câu lạc bộ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc trong trường học giai đoạn 2021-2025 theo Kết luận số 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh...

- Chi sự nghiệp đào tạo: 2.023 triệu đồng. Dự toán đảm bảo các nội dung chi về chế độ tiền lương các khoản phụ cấp, chi hoạt động của Trung tâm Chính trị; các khoản kinh phí đào tạo mở lớp và các chính sách đào tạo thu hút theo quy định.

(4) Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin: Dự toán 3.281 triệu đồng, chiếm 0,7% tổng chi ngân sách địa phương.

Dự toán đảm bảo các nội dung chi về chế độ tiền lương các khoản phụ cấp đối với viên chức sự nghiệp văn hóa, kinh phí tổ chức lễ hội, các hoạt động tuyên truyền, kỷ niệm các ngày lễ lớn, văn hóa văn nghệ, Tuần văn hóa du lịch, kinh phí hỗ trợ hoạt động của đội văn nghệ thôn bản theo Kết luận 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án "*Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh*"; Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 17/02/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số

³ Bao gồm: Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025: 1.364 triệu đồng; Kinh phí thực hiện Đề án phát triển thương mại và dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố 1.000 triệu đồng.

⁴ Bao gồm: Nghị định 116/2016/NĐ-CP, kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP, kinh phí thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP, kinh phí hỗ trợ học tập cho học sinh dân tộc ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên khuyết tật thuộc hộ nghèo và cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC.

⁵ Bao gồm: Kinh phí nấu ăn theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (bao gồm: Kinh phí nấu ăn theo Nghị định 116/2019/NĐ-CP và Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ); Chính sách hỗ trợ trẻ em 24-36 tháng tuổi theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; kinh phí thực hiện công tác xoá mù chữ năm 2023, 2024 theo Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (đối ứng thực hiện công tác xoá mù chữ thuộc chương trình MTQG vùng đồng bào DTTS và miền núi).

59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

(5) Chi sự nghiệp thể thao: 628 triệu đồng, chiếm 0,13% tổng chi ngân sách địa phương. Dự toán đảm bảo chi tổ chức các hoạt động thể dục thể thao thường xuyên và các hoạt động thể thao do các cấp, các ngành phát động.

(6) Chi sự nghiệp truyền thanh: Dự toán 2.286 triệu đồng, chiếm 0,5% tổng chi ngân sách địa phương.

Dự toán đảm bảo nội dung chi về chế độ tiền lương các khoản phụ cấp đối với viên chức sự nghiệp truyền thanh, kinh phí xây dựng duy trì chuyên mục tuyên truyền, quảng bá sản phẩm OCOP trên địa bàn; Kinh phí sửa chữa, duy trì hệ thống truyền thanh không dây; kinh phí chi trả nhuận bút, tiền điện trạm phát sóng, mua sắm thiết bị chuyên môn và các hoạt động đặc thù khác.

(7) Đảm bảo xã hội: Dự toán 7.084 triệu đồng, chiếm 1,5% tổng chi ngân sách địa phương.

Dự toán đảm bảo nội dung chi về các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP; kinh phí thăm hỏi gia đình chính sách, hỗ trợ mai táng phí cho người có công; cấp thẻ BHYT cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người có công; chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; hỗ trợ kinh phí hoạt động, đại hội hội nạn nhân chất độc da cam và các khoản chi đảm bảo xã hội khác.

(8) Chi Quản lý hành chính: Dự toán 38.365 triệu đồng, chiếm 8% tổng chi ngân sách địa phương. Trong đó: Chi hoạt động Quản lý Nhà nước: 21.806 triệu đồng; Chi Ngân sách Đảng: 11.336 triệu đồng; Khối đoàn thể: 5.223 triệu đồng.

Dự toán đảm bảo kinh phí chi thường xuyên theo định mức, biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2024; kinh phí thực hiện các chính sách đối với tổ chức cơ sở đảng, kinh phí tổ chức đại hội của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ hàng tháng cho đảng viên được tặng Huy hiệu đảng từ 40 năm tuổi đảng trở lên theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Đối với các nhiệm vụ đặc thù khác, bố trí trên tinh thần tiết kiệm để tiết kiệm, hạn chế các khoản mua sắm trang thiết bị, tổ chức hội nghị, hội thảo...

(9) Chi An ninh - Quốc phòng: Dự toán 6.052 triệu đồng, chiếm 1,2% tổng chi ngân sách địa phương.

Trong đó: đã bao gồm kinh phí hỗ trợ cho lực lượng Công an, Quân sự đảm bảo tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu; kinh phí huấn luyện dân quân tự vệ, kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm của dân quân tự vệ theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ; kinh phí tổ chức diễn

tập chiến đấu phòng thủ, diễn tập phòng chống cháy rừng tìm kiếm cứu nạn cấp xã; kinh phí tổ chức diễn tập ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn cấp thành phố năm 2023 và một số nhiệm vụ khác.

(10) Chi ngân sách xã: Dự toán 38.373 triệu đồng, chiếm 8% tổng chi ngân sách địa phương.

Dự toán đảm bảo toàn bộ về chính sách và các hoạt động của cấp uỷ, chính quyền, các đoàn thể, công tác hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, toàn dân xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, hoà giải ở cơ sở, kinh phí hỗ trợ Trung tâm học tập cộng đồng theo Thông tư số 96/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố.

(11) Chi khác ngân sách: Dự toán 690 triệu đồng, chiếm 0,14% tổng chi ngân sách địa phương. Dự toán đảm bảo kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo công tác tôn giáo, quy chế dân chủ ở cơ sở và hỗ trợ kinh phí hoạt động của các cơ quan, đơn vị ngành dọc thực hiện nhiệm vụ của địa phương.

1.3. Dự phòng ngân sách: 7.214 triệu đồng. Trong đó:

- Dự phòng ngân sách thành phố: 6.301 triệu đồng
- Dự phòng ngân sách cấp xã: 913 triệu đồng

1.4. Tăng thu ngân sách năm 2024: 3.500 triệu đồng. Trong đó:

- 70% tăng thu để cải cách tiền lương theo quy định: 2.450 triệu đồng.
- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư: 1.050 triệu đồng.

1.5. Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm: 1.759 triệu đồng.

1.6. Nguồn thu sử dụng đất năm 2024 chưa phân bổ: 13.309 triệu đồng.

2. Chi bổ sung có mục tiêu:

Chi bổ sung có mục tiêu thực hiện các chương trình MTQG năm 2024 là 12.152 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 5.174 triệu đồng.
- + *Vốn đầu tư: 3.316 triệu đồng.*
- + *Vốn sự nghiệp: 1.858 triệu đồng.*
- Chương trình MTQG phát triển kinh tế và xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*Vốn đầu tư*): 6.978 triệu đồng

(Chi tiết theo Phụ lục IV, V, VII kèm theo)

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2024, quán triệt sâu sắc các định hướng, quan điểm, chủ trương theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Lai Châu lần thứ IV, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và tiếp tục triển khai có hiệu quả các Đề án, Nghị quyết chuyên đề của Đảng bộ, HĐND thành phố, các Kết luận của Thành ủy. Thành phố cần tập trung tổ chức thực hiện các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

1. Về thu ngân sách:

1.1. Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, cá nhân tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn, tạo nguồn thu và nuôi dưỡng nguồn thu; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, kịp thời thanh toán vốn đầu tư và thu thuế xây dựng cơ bản vào NSNN. Tích cực, chủ động trong công tác phối hợp với các sở, ngành để thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách vào địa bàn thành phố.

1.2. Tổ chức thực hiện tốt các Luật thuế và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, kê khai thuế không đầy đủ, trốn thuế, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, gian lận, trốn thuế.

1.3. Tổ chức tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật về thuế, phí, lệ phí để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hiểu rõ về quyền lợi, nghĩa vụ nộp thuế của mình; hỗ trợ tư vấn pháp luật về thuế cho cộng đồng xã hội, đặc biệt là các dịch vụ hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân nộp thuế. Nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính thuế nhằm giảm thời gian, chi phí cho người nộp thuế, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể sản xuất kinh doanh phát triển.

1.4. Quản lý tốt nguồn thu, theo dõi đầy đủ nợ đọng thuế, tập trung quyết liệt các giải pháp thu nợ đọng thuế, rà soát, kiểm tra phân loại nợ đọng thuế để có biện pháp đôn đốc thu và xử lý kịp thời; khai thác tốt các nguồn thu và thu đúng, thu đủ vào NSNN. Thực hiện tốt quy chế phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác thu ngân sách và xử lý nghiêm các vi phạm về thuế.

1.5. Chi cục thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát danh sách các hộ kinh doanh để kê khai doanh thu đồng thời tuyên truyền các hộ kinh doanh thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước; tiếp tục rà soát các hộ gia đình được giao đất TĐC, các hộ dân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tổ chức tuyên truyền, vận động, đôn đốc thu nộp NSNN theo đúng quy định. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, đôn đốc thu kịp thời các khoản phải thu theo kiến nghị, kết luận của thanh tra, kiểm toán. Tập trung xử lý thu hồi nợ đọng thuế theo quy định

2. Về chi ngân sách

2.1. Về chi đầu tư

- Thực hiện nghiêm túc Luật đầu tư công và các quy định về quản lý vốn đầu tư nguồn NSNN. Thực hiện kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực đầu tư công đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả; rà soát, sắp xếp danh mục các công trình, dự án đầu tư phù hợp với khả năng cân đối của nguồn vốn, bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, hạn chế các dự án khởi công mới, không để nợ đọng vốn đầu tư.

- Chủ động giải quyết những vướng mắc khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ xây dựng công trình. Thực hiện việc tạm ứng vốn công trình và hoàn ứng theo đúng quy định, tổ chức nghiệm thu khối lượng theo từng giai đoạn đảm bảo tiến độ giải ngân và thanh toán khối lượng hoàn thành để thanh toán thu hồi tạm ứng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong đầu tư xây dựng cơ bản, xử lý kịp thời những sai phạm trong quản lý, thanh toán vốn đầu tư.

2.2. Về chi thường xuyên:

Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao; quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên được giao theo đúng dự toán, đúng chính sách chế độ, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị, xã, phường, giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo. Thực hiện nghiêm túc Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật phòng, chống tham nhũng.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách xã hội, các chính sách đối với người có công, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng hưởng chính sách xã hội.

- Trên cơ sở dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động xây dựng kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ trong năm. Hạn chế tối đa các khoản chi phát sinh phải bổ sung dự toán từ ngân sách, trừ các trường hợp thực hiện chế độ, chính sách, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm; thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng tài sản công; Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên (*sau khi đã loại trừ tiền lương và các chính sách theo quy định*) để tạo nguồn cải cách tiền lương. Thực hiện nghiêm chế độ công khai tài chính, ngân sách đối với tất cả các nguồn vốn từ NSNN và nguồn vốn huy động đóng góp, công khai mua sắm tài sản công theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, phát hiện và xử lý kịp thời những sai phạm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức thực hiện dự toán, đảm bảo cân đối ngân sách theo dự toán được giao; thực hiện tốt công tác tham mưu trong quản lý, điều hành ngân sách theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

2. Chi cục Thuế khu vực thành phố Lai Châu - Tam Đường tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn ngay từ đầu năm, quản lý, khai thác tốt các nguồn thu đồng thời tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu ngân sách, tích cực đôn đốc thu nợ đọng thuế, phấn đấu đạt và vượt kế hoạch giao.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn đúng quy định, hoàn thành và vượt chỉ tiêu giao thu. Trong trường hợp thu không đạt dự toán thì cân đối lại dự toán và giảm chi hành chính tương ứng, UBND thành phố không thực hiện điều chỉnh giảm thu và cấp bù chi.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng quy định; quản lý chặt chẽ và sử dụng các khoản huy động đóng góp của nhân dân đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện công khai đầy đủ theo quy định.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023; Dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024, Ủy ban nhân dân thành phố trình kỳ họp thứ mười bốn, Hội đồng nhân dân thành phố khóa IV, nhiệm kỳ 2021 - 2026./.

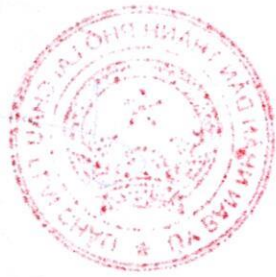
Nơi nhận:

- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT. UBND thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Các Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hữu Cam



Phụ lục I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 3843 /BC-UBND ngày 04 / 12 / 2023 của UBND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	Nghị quyết HĐND thành phố giao	Ước thực hiện năm 2023	So sánh TH/KH giao	
					% KH tỉnh giao	% KH thành phố giao
	TỔNG THU NS ĐỊA PHƯƠNG	464.868	468.168	517.929	111%	111%
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	203.700	207.000	132.900	65%	64%
	<i>Thu NSNN trên địa bàn thành phố hưởng</i>	<i>178.590</i>	<i>181.890</i>	<i>120.555</i>	<i>65%</i>	<i>64%</i>
	<i>Thu cân đối (không kể thu tiền sử dụng đất)</i>	<i>85.150</i>	<i>88.450</i>	<i>88.555</i>	<i>104%</i>	<i>100%</i>
1	Thu từ khu vực NQD	36.500	38.150	43.000	118%	113%
2	Lệ phí trước bạ	25.000	26.000	23.000	92%	88%
3	Thuế thu nhập cá nhân	9.500	9.950	11.000	116%	111%
4	Thu phí, lệ phí	3.000	3.000	3.463	115%	115%
	- Phí, lệ phí Trung ương, tỉnh hưởng	350	350	1.093		
	- Ngân sách thành phố hưởng	2.650	2.224	1.995		
	- Ngân sách xã, phường hưởng		426	375		
5	Thu tiền sử dụng đất	116.800	116.800	40.000	34%	34%
	- Ngân sách Tỉnh hưởng	23.360	23.360	8.000		
	- Ngân sách thành phố hưởng	93.440	93.440	32.000		
6	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	9.800	10.000	6.600	67%	66%
7	Thu khác ngân sách	3.000	3.000	5.830	194%	194%
	- Ngân sách Trung ương, tỉnh hưởng	1.400	1.400	3.245		
	- Ngân sách thành phố hưởng	1.600	1.220	2.385		
	- Ngân sách xã, phường hưởng		380	200		
8	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích	100	100			
9	Thu từ doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo (tỉnh hưởng)			7		
B	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	286.278	286.278	319.760	112%	112%
1	Thu bổ sung cân đối	214.474	214.474	214.474		
2	Thu bổ sung có mục tiêu	71.804	71.804	105.286		
C	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH			5.116		
1	Thu kết dư ngân sách thành phố			4.974		
2	Thu kết dư ngân sách xã			142		
D	THU CHUYỂN NGUỒN NS			72.498		
1	Thu chuyển nguồn ngân sách Thành phố			67.692		
2	Thu chuyển nguồn ngân sách xã			4.806		

Phụ lục II

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 3843/BC-UBND ngày 04/12 /2023 của UBND thành phố Lai Châu)

DVT: triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán tính giao	HĐND thành phố quyết định	Ước thực hiện năm 2023	So sánh		Ghi chú
					Ước thực hiện năm 2023/KH tính giao	Ước thực hiện năm 2023/KH TP giao	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	467.868	468.168	509.577	109%	109%	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	453.366	453.666	474.794	105%	105%	
I	Chi đầu tư phát triển	124.945	83.005	115.017	92%	139%	
1	Nguồn vốn XDCB tập trung	20.766	20.766	22.004	106%	106%	
	<i>Trong đó: Thanh toán tạm ứng từ nguồn chi chuyển nguồn năm trước sang</i>			1.631			
2	Nguồn vốn Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung	10.739	10.739	10.739	100%	100%	
3	Nguồn vốn thu sử dụng đất	93.440	51.500	62.386	67%	121%	
	<i>Trong đó: Thanh toán tạm ứng từ nguồn chi chuyển nguồn năm trước sang</i>			16.247			
4	Nguồn vốn NS tỉnh bổ sung cho ngân sách thành phố thực hiện các dự án chỉnh trang đô thị phục vụ kỷ niệm 20 năm chia tách, thành lập tỉnh			14.000			
5	Nguồn vốn tăng thu NS năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023			4.254			
6	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023			1.634			
II	Chi thường xuyên	321.949	319.360	350.933	109%	110%	
I	Chi sự nghiệp kinh tế	65.950	64.300	72.642	110%	113%	
1.1	Theo định mức 7% chi thường xuyên	15.169	13.464	14.739	97%	109%	
	- Sự nghiệp nông nghiệp		2.310	2.342		101%	
	- Sự nghiệp giao thông		1.000	1.000		100%	
	- Sự nghiệp thủy lợi		3.000	3.000		100%	
	- Sự nghiệp kinh tế khác		7.154	8.397		117%	
1.2	Hỗ trợ có mục tiêu	49.089	46.089	52.206	106%	113%	
	- Hoạt động sự nghiệp môi trường		18.000	17.648		98%	
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh đô thị		14.000	13.850		99%	
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ lập Đồ án quy hoạch phân khu I trên địa bàn thành phố Lai Châu			2.744			
	- Kinh phí xác định giá đất cụ thể theo các nhiệm vụ được ủy quyền tại Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 22/5/2023			1.225			
	- KP tổ chức các hoạt động kỷ niệm 20 năm chia tách thành lập tỉnh Lai Châu			500			
	- Kinh phí phát động lễ trồng cây tại Thành phố Lai Châu		300	300		100%	
	- KP thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa		606	606		100%	
	- KP hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi		983	983		100%	
	- KP sửa chữa, vận hành điện và tiền điện chiếu sáng		8.000	7.650		96%	
	- Kinh phí khắc phục hồ cát tơ đường Nguyễn Trãi			2.500			
	- Kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, nước sinh hoạt, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở		4.200	4.200		100%	
1.3	Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết	1.692	1.692	2.642	156%	156%	
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025		1.622	2.572			
	- KP thực hiện Nghị quyết 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025		70	70			
1.4	Chi từ nguồn thu sử dụng đất của thành phố năm 2023		3.055	3.055			
	- Kinh phí đo đạc bổ sung, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD đất ở, đất SXNN và đất nuôi trồng thủy sản tại một số khu vực trên địa bàn các xã, phường thành phố Lai Châu; Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030; Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023		3.000	3.000			
	- Kinh phí thống kê đất đai năm 2022		55	55			
2	Chi sự nghiệp môi trường	3.000	3.000	3.000	100%	100%	
	+ KP thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp môi trường cấp xã		755	755			
	+ Phòng Kinh tế		300	300			
	+ Phòng Tài nguyên và Môi trường		1.945	1.945			
3	Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo	170.444	170.444	186.531	109%	109%	
3.1	Chi sự nghiệp giáo dục	168.318	168.318	184.424	110%	110%	

Stt	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	HDND thành phố quyết định	Ước thực hiện năm 2023	So sánh		Ghi chú
					Ước thực hiện năm 2023/KH tỉnh giao	Ước thực hiện năm 2023/KH TP giao	
	- Phòng Giáo dục và Đào tạo		166.798	182.797			
	- Phòng Nội vụ		1.500	1.500			
	- Phòng Lao động - TB&XH		20	127			
3.2	Sự nghiệp đào tạo	2.126	2.126	2.107	99%	99%	
	- Trung tâm Chính trị		1.016	1.046			
	- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng		670	639			
	- Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn		440	422			
4	Sự nghiệp văn hoá - thông tin	2.457	2.196	3.203	130%	146%	
	- Trung tâm Văn hóa, thể thao và truyền thông		1.977	2.984			
	- Kinh phí hỗ trợ hoạt động của đội văn nghệ thôn bản theo Kết luận 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh"	201	219	219			
5	Sự nghiệp thể thao	678	680	680	100%	100%	
6	Sự nghiệp truyền thanh	1.980	1.900	1.980	100%	104%	
7	Đảm bảo xã hội	7.772	7.557	7.608	98%	101%	
8	Chi Quản lý hành chính	32.472	32.498	34.969	108%	108%	
8.1	Quản lý nhà nước	16.899	18.800	20.368	121%	108%	
8.2	Chi ngân sách Đảng	7.843	9.457	9.994	127%	106%	
8.2.1	Văn phòng Thành uỷ		7.996	8.533			
8.2.2	KP thực hiện Quyết định 99 -QĐ/TW		1.253	1.253			
	- UBND các xã, phường		961	961			
	- Các chi bộ cơ quan		292	292			
8.2.3	Phụ cấp cấp ủy các chi bộ cơ quan		208	208			
8.3	Đoàn thể	4.030	4.241	4.607			
8.3.1	Kinh phí đoàn thể		4.008	4.374			
8.3.2	Hoạt động các hội		233	233			
9	Chi an ninh - Quốc phòng	4.631	5.127	5.606	121%	109%	
9.1	Chi hỗ trợ an ninh địa phương	1.193	1.519	1.898			
	- Công an thành phố		800	1.112			
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của HĐND tỉnh		719	786			
	UBND phường Đoàn Kết		132	132			
	UBND phường Tân Phong		147	170			
	UBND phường Quyết Thắng		60	60			
	UBND phường Quyết Tiến		79	79			
	UBND phường Đông Phong		79	91			
	UBND xã San Thành		94	94			
	UBND xã Sùng Phái		128	160			
9.2	Quốc phòng địa phương	3.438	3.608	3.708	108%	103%	
	- Chi hỗ trợ quốc phòng địa phương		800	900			
	- Kinh phí huấn luyện dân quân, tự vệ và dự bị động viên		1.100	1.100			
	- Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm của DQTV theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP		583	583			
	- KP thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương cấp xã		855	855			
	UBND phường Đoàn Kết		135	135			
	UBND phường Tân Phong		143	143			
	UBND phường Quyết Thắng		106	106			
	UBND phường Quyết Tiến		114	114			
	UBND phường Đông Phong		114	114			
	UBND xã San Thành		110	110			
	UBND xã Sùng Phái		133	133			
	+ Kinh phí diễn tập chiến đấu phòng thủ		200	200			
	UBND phường Đông Phong		100	100			
	UBND xã San Thành		100	100			
	+ Kinh phí diễn tập phòng chống cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn		70	70			
	UBND phường Quyết Thắng		70	70			
10	Chi ngân sách xã	31.406	30.678	33.704	107%	110%	
11	Chi khác ngân sách	1.159	980	1.010	87%	103%	
	- Hỗ trợ Ban chỉ đạo Công tác tôn giáo, Ban chỉ đạo quy chế dân chủ		170	170			
	- Hỗ trợ công tác thu ngân sách		300	300			

Stt	Nội dung	Dự toán tính giao	HDND thành phố quyết định	Ước thực hiện năm 2023	So sánh		Ghi chú
					Ước thực hiện năm 2023/KH tính giao	Ước thực hiện năm 2023/KH TP giao	
	- Bổ sung quỹ hỗ trợ nông dân		300	300			
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ của địa phương		210	240			
III	Dự phòng ngân sách	6.472	6.472	7.854	121%	121%	
1	Ngân sách thành phố		5.732	7.114			
2	Dự phòng ngân sách xã, phường		740	740			
IV	Tăng thu ngân sách 2023		3.300	990		30%	
	- 70% tăng thu để CCTL theo quy định		2.310				
	- Kinh phí tăng thu để các nhiệm vụ quan trọng theo quy định của Luật NSNN năm 2015		990	990			
	+ KP ủy thác qua Ngân hàng chính sách thực hiện Chi thị số 40-CT/TW		990	990			
V	Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm		2.644				Đã phân bổ vào các lĩnh vực chi tương ứng
VI	Nguồn thu sử dụng đất năm 2023 chưa phân bổ		38.885				Không thực hiện phân bổ do không đảm bảo nguồn thu
B	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	14.502	14.502	21.529	148%	148%	
I	Vốn thực hiện các Chương trình MTQG	9.872	9.872	16.469	167%	167%	
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			916			
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	3.244	3.244	5.679			
	- Vốn đầu tư	3.244	3.244	3.699			
	- Vốn sự nghiệp			1.980			
3	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng Đồng bào DTTS và miền núi	6.628	6.628	9.874			
	- Vốn đầu tư	6.628	6.628	7.333			
	+ Trong đó: Thanh toán tạm ứng từ nguồn chi chuyển nguồn năm trước sang			1.212			
	- Vốn sự nghiệp			2.541			
II	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025	4.630	4.630	5.060	109%	109%	
1	Hỗ trợ một lần xây dựng địa điểm tổ chức các hoạt động trải nghiệm tìm hiểu văn hóa, thể thao đặc sắc dân tộc		1.000	1.000			
2	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc đường nội bản, đường dạo tại điểm du lịch Bản San Thàng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu		500	500			
3	Cải tạo, nâng cấp đường nội bản, đường dạo tại điểm du lịch Bản San Thàng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu		2.500	2.500			
4	Tổ chức lớp truyền dạy âm thực dân tộc Giáy gắn với điểm du lịch cộng đồng bản San Thàng, xã San Thàng		150	300			Trong đó: Nguồn chuyển nguồn năm trước sang là 150trđ
5	Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa nhà ở theo kiến trúc nhà ở truyền thống bản San Thàng, xã San Thàng		320	480			Trong đó: Nguồn chuyển nguồn năm trước sang là 160trđ
6	Hỗ trợ xây mới nhà vệ sinh cho hộ gia đình kinh doanh dịch vụ lưu trú nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê: bản San Thàng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu			50			Nguồn chuyển nguồn năm trước sang
7	Xây dựng hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn đến điểm du lịch cộng đồng bản San Thàng			50			Nguồn chuyển nguồn năm trước sang
8	Hỗ trợ các đội văn nghệ quần chúng xã Sùng Phái			20			Nguồn chuyển nguồn năm trước sang
9	Kinh phí tổ chức lễ hội theo Nghị quyết 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh		160	160			
C	CHI HOÀN TRẢ CẤP TRÊN NGUỒN KINH PHÍ HẾT NHIỆM VỤ CHI			13.254			
1	Nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG			7.757			
	- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			1.522			
	- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới			715			
	- Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			5.520			
2	Vốn bổ sung có mục tiêu			5.497			

Phụ lục III

BIỂU GIAO DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 3843 /BC-UBND ngày 04 / 12 /2023 của UBND thành phố Lai Châu)

DVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN TỈNH GIAO	DỰ TOÁN GIAO	CHIA RA	
				NS THÀNH PHỐ	NS XÃ, PHƯỜNG
	TỔNG THU NS ĐỊA PHƯƠNG	477.792	481.292	479.701	53.711
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	179.100	182.600	180.445	2.155
	<i>Thu Ngân sách địa phương được hưởng</i>	<i>158.650</i>	<i>162.150</i>	<i>160.559</i>	<i>1.591</i>
	<i>Thu cân đối không bao gồm thu tiền sử dụng đất</i>	<i>90.650</i>	<i>94.150</i>	<i>92.559</i>	<i>1.591</i>
1	Thu từ khu vực NQD	41.000	42.000	42.000	
2	Lệ phí trước bạ	23.000	24.900	23.720	1.180
	- Ngân sách thành phố hưởng		24.074	23.720	354
	- Ngân sách xã, phường hưởng		826		826
3	Thuế thu nhập cá nhân	11.000	11.600	11.600	
4	Thu phí, lệ phí	4.000	4.000	3.235	765
	- Phí, lệ phí Trung ương hưởng	800	800	800	
	- Ngân sách thành phố hưởng	3.200	2.645	2.435	210
	- Ngân sách xã, phường hưởng		555		555
5	Thu tiền sử dụng đất	85.000	85.000	85.000	
	- Ngân sách Tỉnh hưởng	17.000	17.000	17.000	
	- Ngân sách thành phố hưởng	68.000	68.000	68.000	
6	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	10.650	10.650	10.650	
7	Thu khác ngân sách	4.350	4.350	4.140	210
	- Ngân sách Trung ương hưởng	2.600	2.600	2.600	
	- Ngân sách Tỉnh hưởng	50	50	50	
	- Ngân sách thành phố hưởng	1.700	1.490	1.490	
	- Ngân sách xã, phường hưởng		210		210
8	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích	100	100	100	
B	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	319.142	319.142	319.142	52.120
1	Thu bổ sung cân đối	245.037	245.037	245.037	42.184
2	Thu bổ sung có mục tiêu	61.953	61.953	61.953	3.000
3	Thu bổ sung Chương trình MTQG	12.152	12.152	12.152	6.936

Phụ lục IV

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 3843/BC-UBND ngày 04/12/2023 của UBND thành phố Lai Châu)

DVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán giao	Chia ra		Ghi chú
			NS thành phố	NS xã, phường	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	481.292	427.581	53.711	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	469.140	422.365	46.775	
I	Chi đầu tư phát triển	81.227	81.227	-	
1	Nguồn vốn XDCB tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác	21.677	21.677		
2	Nguồn vốn Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung	8.050	8.050		
3	Nguồn vốn thu sử dụng đất	51.500	51.500		
II	Chi thường xuyên	362.131	316.269	45.862	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	70.491	67.021	3.470	
1.1	Theo định mức 7% chi thường xuyên	12.612	12.312	300	
	- Sự nghiệp nông nghiệp	2.623	2.623	-	
	- Sự nghiệp giao thông	1.000	700	300	
	- Sự nghiệp thủy lợi	3.000	3.000		
	- Sự nghiệp kinh tế khác	5.989	5.989	-	
1.2	Chi từ nguồn thu sử dụng đất của thành phố năm 2024	3.191	3.191	-	
	- Lập kế hoạch sử dụng đất	538	538		
	- Kinh phí thống kê đất đai	61	61		
	- Kinh phí kiểm kê đất đai	1.792	1.792		
	- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	800	800		
1.3	Hỗ trợ có mục tiêu	52.324	50.024	2.300	
	- Hoạt động sự nghiệp môi trường	18.000	18.000	-	
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh đô thị (Bao gồm chăm sóc cây xanh khu lâm viên thành phố, nghĩa trang Phan Lin)	14.000	14.000		
	- Kinh phí phát động lễ trồng cây tại Thành phố Lai Châu	300	300		
	- KP thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	514	514	-	
	- KP hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	979	979		
	- KP sửa chữa, vận hành điện và tiền điện chiếu sáng	7.500	7.500	-	
	- KP tổ chức kỷ niệm 20 năm thành lập Đảng bộ thành phố Lai Châu; 20 năm thành lập Thị xã Lai Châu (nay là thành phố Lai Châu)	1.195	1.195	-	
	- Kinh phí quy hoạch phân khu II, V thành phố Lai Châu	5.200	5.200		
	- Kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, nước sinh hoạt, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở, mua sắm tài sản	4.200	1.900	2.300	
	- Kinh phí xác định giá đất cụ thể theo các nhiệm vụ được ủy quyền tại Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	436	436	-	
1.4	Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết	2.364	1.494	870	
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025	1.364	664	700	
	- KP thực hiện Đề án phát triển thương mại và dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố	1.000	830	170	
2	Chi sự nghiệp môi trường	3.000	3.000	-	
3	Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo	191.881	191.881	-	
3.1	Chi sự nghiệp giáo dục	189.858	189.858	-	
3.1.1	Phòng Giáo dục và Đào tạo	188.248	188.248		
3.2	Sự nghiệp đào tạo	2.023	2.023	-	
4	Sự nghiệp văn hoá - thông tin	3.281	2.612	669	
	- Trung tâm Văn hóa, thể thao, truyền thông	2.452	2.452		
	- Kinh phí hỗ trợ hoạt động của đội văn nghệ thôn bản theo Kết luận 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh"	219	-	219	
	- KP thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 17/02/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	610	160	450	
5	Sự nghiệp thể thao	628	628	-	
	- Trung tâm Văn hóa, thể thao, truyền thông	568	568		
	- Kinh phí tổ chức giải cầu lông CBCNVC thành phố	60	60		
6	Sự nghiệp truyền thanh	2.286	2.286	-	
	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	2.286	2.286		

Stt	Nội dung	Dự toán giao	Chia ra		Ghi chú
			NS thành phố	NS xã, phường	
7	Đảm bảo xã hội	7.084	6.839	245	
	- Phòng Lao động - TB&XH	6.539	6.539	-	
	- Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo xã hội cấp xã, phường	70	-	70	
	- KP thăm hỏi đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ thành phố thực hiện	50	50		
	- Kinh phí mừng thọ, chăm sóc người cao tuổi	175	-	175	
	- Kinh phí ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW	250	250		
8	Chi Quản lý hành chính	38.365	37.233	1.132	
8.1	Quản lý nhà nước	21.806	21.806	-	
8.2	Chi ngân sách Đảng	11.336	10.204	1.132	
8.3	Đoàn thể	5.223	5.223	-	
9	Chi an ninh - Quốc phòng	6.052	4.149	1.903	
9.1	Chi hỗ trợ an ninh địa phương	1.650	900	750	
	- Công an thành phố	900	900		
	- KP thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của HĐND tỉnh	750	-	750	
9.2	Quốc phòng địa phương	4.402	3.249	1.153	
	- Hỗ trợ quốc phòng địa phương	900	900		
	- Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn lịch sử quân sự thành phố Lai Châu giai đoạn 1950 - 2024	100	100		
	- Kinh phí huấn luyện dân quân, tự vệ	1.370	1.370		
	- Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm của DQTV theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP	579	579		
	- Diễn tập ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn	300	300		
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương cấp xã	873	-	873	
	- Kinh phí diễn tập chiến đấu phòng thủ	200	-	200	
	- Kinh phí diễn tập phòng chống cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn	80	-	80	
10	Chi ngân sách xã	38.373	-	38.373	
	+) UBND phường Đoàn Kết	5.763		5.763	
	+) UBND phường Tân Phong	6.248		6.248	
	+) UBND phường Quyết Thắng	4.780		4.780	
	+) UBND phường Quyết Tiến	5.047		5.047	
	+) UBND phường Đông Phong	5.283		5.283	
	+) UBND xã San Thàng	5.214		5.214	
	+) UBND xã Sùng Phái	6.038		6.038	
11	Chi khác ngân sách	690	620	70	
	* Hỗ trợ Kinh phí Ban chỉ đạo Công tác tôn giáo	75	40	35	
	* Hỗ trợ Kinh phí Ban chỉ đạo quy chế dân chủ	75	40	35	
	* Hỗ trợ công tác thu ngân sách	300	300		
	* Hỗ trợ kinh phí hoạt động các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ của địa phương	240	240	-	
III	Dự phòng ngân sách	7.214	6.301	913	
1	Ngân sách thành phố	6.301	6.301		
2	Dự phòng ngân sách xã, phường	913	-	913	
IV	Tăng thu ngân sách 2024	3.500	3.500	-	
	- 70% tăng thu để CCTL theo quy định	2.450	2.450		
	- Kinh phí ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW	1.050	1.050		
V	Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm	1.759	1.759	-	
VI	Nguồn thu sử dụng đất năm 2024 chưa phân bổ	13.309	13.309	-	
B	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	12.152	5.216	6.936	
I	Vốn thực hiện các Chương trình MTQG	12.152	5.216	6.936	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	5.174	30	5.144	
1.1	Vốn đầu tư	3.316		3.316	
1.2	Vốn sự nghiệp	1.858	30	1.828	
2	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi	6.978	5.186	1.792	
	Vốn đầu tư	6.978	5.186	1.792	

Phụ lục V
BIỂU CHI TIẾT CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số: 3843 /BC-UBND ngày 04/12/2023 của UBND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Ngân sách thành phố	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	427.581	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	422.365	
I	Chi đầu tư phát triển	81.227	
1	Nguồn vốn XDCB tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác	21.677	
2	Nguồn vốn Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung	8.050	
3	Nguồn vốn thu sử dụng đất	51.500	
II	Chi thường xuyên	316.269	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	67.021	
1.1	Theo định mức 7% chi thường xuyên	12.312	
	- Sự nghiệp nông nghiệp	2.623	
	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	2.623	Bao gồm quỹ lương 2.053trđ; chi hành chính 170trđ; KP thực hiện mô hình KNKL 400trđ
	- Sự nghiệp giao thông	700	
	Phòng Quản lý đô thị	700	
	- Sự nghiệp thủy lợi	3.000	
	+ Sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi xã San Thàng	3.000	Phòng Kinh tế
	- Sự nghiệp kinh tế khác	5.989	
	+ Kinh phí điện chiếu sáng	800	Phòng QLĐT
	+ Đội QLTT đô thị	1.634	Bao gồm quỹ lương 1.032trđ; QL và chi hành chính LĐHD 90trđ; chi hành chính 100trđ; trang phục 42trđ; chi xăng xe, bảo hiểm, sửa chữa xe, các khoản chi khác 230trđ; KP quản lý trật tự đô thị 120trđ
	+ Trung tâm phát triển quỹ đất	1.001	Bao gồm quỹ lương 911trđ; chi hành chính 90trđ
	+ Hội Chữ thập đỏ	360	Bao gồm quỹ lương 270trđ; chi hành chính 30trđ; hỗ trợ KP tổ chức lễ tôn vinh hiến máu tình nguyện, KP hoạt động công tác hội 60trđ
	+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động Người cao tuổi thành phố	184	Bao gồm hỗ trợ tháng hành động người cao tuổi 20trđ; hỗ trợ hoạt động đồng hội người cao tuổi các xã, phường 28tr; Hỗ trợ hoạt động 6 CLB liên thể hệ 16trđ; KP tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và các hoạt động đặc thù khác 100trđ; hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ và hội nghị tổng kết 5 năm NCT tham gia hệ thống chính trị 20trđ
	+ KP Ban chỉ đạo các chương trình	150	
	Kinh phí hỗ trợ cơ quan thường trực chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn	10	Phòng Lao động TBXH
	Ban chỉ đạo cứu trợ xã hội; Ban chỉ đạo quỹ vì người nghèo; Ban chỉ đạo Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; BCD phong trào đoàn kết sáng tạo; BCD phong trào TĐĐKXD ĐSVH, đô thị văn minh	45	Ủy ban MTTQVN
	Ban chỉ đạo thực hiện Kết luận 61, Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định 81 của Thủ tướng Chính phủ	20	Hội nông dân
	Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự thành phố	15	Chi cục thi hành án thành phố
	Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn	15	Phòng Kinh tế
	Ban chỉ đạo 389 và các đoàn kiểm tra liên ngành	15	Phòng Kinh tế
	Kinh phí ban chỉ đạo phong trào TĐĐKXD ĐSVH; BCD thực hiện nếp sống văn minh đô thị	30	Phòng Văn hóa và Thông tin
	+ Kinh phí quản lý, vận hành Trung tâm điều hành đô thị thông minh	700	Văn phòng HĐND-UBND
	+ Kinh phí quản lý, vận hành khu lâm viên thành phố Lai Châu	270	Phòng Quản lý đô thị
	+ Kinh phí quản lý, vận hành nghĩa trang Phan Lin	500	Phòng Quản lý đô thị
	+ KP sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện, thay thế bóng đèn thấp sáng, hệ thống cửa phân làn, thang máy, điều hòa, kiểm định hệ thống chống sét, hệ thống PCCC	300	Văn phòng HĐND-UBND
	+ Kinh phí lắp biển tuyên truyền nội quy tuyến đường, phố văn minh đô thị	50	Phòng Văn hóa và thông tin

Stt	Nội dung	Ngân sách thành phố	Ghi chú
	+ Hỗ trợ kinh phí tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại	40	Phòng Kinh tế
1.2	Chi từ nguồn thu sử dụng đất của thành phố năm 2024	3.191	Phòng Tài nguyên & Môi trường
	- Lập kế hoạch sử dụng đất	538	
	- Kinh phí thống kê đất đai	61	
	- Kinh phí kiểm kê đất đai	1.792	
	- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	800	(Tổng DT được duyệt 2.465trđ, số ước thực hiện năm 2023 là 1.665trđ; nhu cầu năm 2024: 800trđ)
1.3	Hỗ trợ có mục tiêu	50.024	
	- Hoạt động sự nghiệp môi trường	18.000	
	Phòng Tài nguyên & Môi trường	15.230	
	Kinh phí duy trì vệ sinh, quản lý Trụ sở hợp khối các cơ quan thành phố	1.670	Văn phòng HĐND-UBND thành phố
	KP thực hiện nhiệm vụ nạo vét	1.100	Phòng QLĐT
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh đô thị (Bao gồm chăm sóc cây xanh khu lâm viên thành phố, nghĩa trang Phan Lin)	14.000	Phòng QLĐT
	- Kinh phí phát động lễ trồng cây tại Thành phố Lai Châu	300	Phòng QLĐT
	- KP thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	514	Phòng Kinh tế
	+ Sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi xã San Thàng	257	
	+ 50% kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	257	
	- KP hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	979	Phòng Kinh tế
	- KP sửa chữa, vận hành điện và tiền điện chiếu sáng	7.500	Phòng Quản lý đô thị
	Kinh phí vận hành và điện chiếu sáng đô thị, vận hành trạm biến áp khu Trung tâm hành chính thành phố; sửa chữa điện chiếu sáng, điện trang trí và hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn thành phố; KP vận hành và điện chiếu sáng khu lâm viên thành phố, nghĩa trang Phan Lin	7.500	
	- KP tổ chức kỷ niệm 20 năm thành lập Đảng bộ thành phố Lai Châu; 20 năm thành lập Thị xã Lai Châu (nay là thành phố Lai Châu)	1.195	
	+ Văn phòng HĐND-UBND thành phố	400	Kinh phí tổ chức, đón tiếp đại biểu dự Lễ kỷ niệm
	+ Trung tâm Văn hoá, Thể thao và truyền thông	500	KP tuyên truyền, tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ chào mừng kỷ niệm
	+ Hỗ trợ kinh phí trưng bày sản phẩm OCOP	15	Phòng Kinh tế
	+ Phòng Quản lý đô thị	280	KP tổ chức Hội nghị giao ban Hiệp hội đô thị
	- Kinh phí quy hoạch phân khu II, V thành phố Lai Châu	5.200	Phòng Quản lý đô thị
	- Kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, nước sinh hoạt, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở, mua sắm tài sản	1.900	
	+ Bổ sung kinh phí quy hoạch phân khu I	700	Phòng Quản lý đô thị (Tổng dự toán 3.744 trđ, đã bố trí năm 2023 là 3.044 trđ, bố trí năm 2024 là 700 trđ)
	+ KP sửa chữa các công trình giao thông, sửa chữa hồ ga	310	Phòng Quản lý đô thị
	+ Hỗ trợ KP sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC	80	
	Đội Quản lý trật tự đô thị	80	
	+ KP mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố	810,0	
	Văn phòng Thành ủy	15,0	
	Trung tâm Chính trị	50,0	
	Phòng Nội vụ	1,6	
	Văn phòng HĐND-UBND	676,0	Tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung tại tỉnh
	Đội Quản lý trật tự đô thị	4,4	
	Phòng Văn hoá và thông tin	10,0	
	Trung tâm Phát triển quỹ đất	24,0	
	Phòng Kinh tế	10,0	
	Ủy ban mặt trận Tổ quốc	7,6	
	Hội nông dân	7,6	
	Hội Cựu chiến binh	3,8	
	- Kinh phí xác định giá đất cụ thể theo các nhiệm vụ được ủy quyền tại Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	436	
	+ Phòng Tài nguyên và môi trường	436	
1.4	Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết	1.494	

Stt	Nội dung	Ngân sách thành phố	Ghi chú
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025	664	
	+ Phòng Kinh tế	664	
	- Kinh phí thực hiện Đề án phát triển thương mại và dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố	830	
	+ Hỗ trợ kinh phí duy trì tuyến phố đi bộ năm 2024	500	
	+ Trung tâm Văn hoá, thể thao và truyền thông	470	
	+ Đội Quản lý trật tự đô thị	30	
	+ Kinh phí tổ chức Hội nghị doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh	15	
	+ Phòng Kinh tế	15	
	+ KP thực hiện Đề án phát triển thương mại và dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố	315	Phân bổ chi tiết sau khi có nhiệm vụ cụ thể
2	Chi sự nghiệp môi trường	3.000	
	- Kinh phí quản lý, vệ sinh môi trường hồ Thượng, hồ Hạ, hồ Lăng	300	
	+ Phòng Kinh tế	300	
	- Kinh phí vệ sinh môi trường	2.700	
	+ Phòng Tài nguyên và Môi trường	2.700	
3	Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo	191.881	
3.1	Chi sự nghiệp giáo dục	189.858	
3.1.1	Phòng Giáo dục và Đào tạo	188.248	
	Trong đó:		
	- Chính sách hỗ trợ cho học sinh bán trú và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	703	
	- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em 3-5 tuổi theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ	223	
	- Chính sách về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	962	
	- Chính sách hỗ trợ học tập cho trẻ em, học sinh, sinh viên dân tộc rất ít người theo ND số 57/2017/NĐ-CP	395	
	- Chính sách hỗ trợ giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	70	
	- Kinh phí nấu ăn theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (bao gồm: Kinh phí nấu ăn theo Nghị định 116/2019/NĐ-CP và Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ)	921	
	- Chính sách hỗ trợ trẻ em 24-36 tháng tuổi theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	67	
	- Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và cơ sở vật chất các trường, lớp học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới, lớp học thắp sáng	8.960	
	+ Mua sắm trang thiết bị	4.160	
	+ Thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng các trường, lớp học	4.800	
	Bảo dưỡng, sửa chữa trường TH Quyết Thắng	700	
	Bảo dưỡng, sửa chữa trường MN Đoàn Kết	650	
	Bảo dưỡng, sửa chữa trường TH Số 1	600	
	Bảo dưỡng, sửa chữa trường MN Hòa Mi	1.000	
	Bảo dưỡng, sửa chữa trường THCS San Thàng	800	
	Bảo dưỡng, sửa chữa trường THCS Tân Phong	1.050	
	- Hỗ trợ kinh phí duy trì hoạt động câu lạc bộ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc trong trường học giai đoạn 2021-2025 theo Kết luận số 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh	40	
	- Hỗ trợ kinh phí thực hiện công tác xoá mù chữ năm 2023, 2024 theo Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (đối ứng thực hiện công tác xoá mù chữ thuộc chương trình MTQG vùng đồng bào DTTS và miền núi)	1.755	
3.1.2	Phòng Nội vụ	1.500	
	- Kinh phí thi đua, khen thưởng ngành giáo dục	1.500	
3.1.3	Phòng Lao động - TB&XH	110	
	- Kinh phí thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ	110	
3.2	Sự nghiệp đào tạo	2.023	
	- Trung tâm Chính trị	943	
	+ Kinh phí hoạt động	443	Bao gồm: Quỹ lương 407trđ, chi hành chính 36trđ

Stt	Nội dung	Ngân sách thành phố	Ghi chú
	+ KP mở lớp, tham gia hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao	500	
	- Phòng Nội vụ	250	
	+ KP thực hiện mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ CCVC và KP thực hiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC người dân tộc thiểu số theo NQ số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh	250	
	- Văn phòng Thành ủy	610	
	+ KP mở lớp trung cấp lý luận chính trị khoá 2	500	
	+ KP đào tạo cao cấp	45	
	+ KP mở lớp bồi dưỡng đối tượng 4	45	
	+ KP thực hiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC người dân tộc thiểu số theo NQ số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh	20	
	- Phòng Lao động - TB&XH	220	
	+ Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn (đổi ứng thực hiện các chương trình MTQG)	220	
4	Sự nghiệp văn hoá - thông tin	2.612	
	- Trung tâm Văn hóa, thể thao, truyền thông	2.452	Bao gồm: Quỹ lương 1.022trđ; Quỹ lương và chi hành chính LĐHD 90trđ; Chi hành chính 100trđ; KP tổ chức các hoạt động VHVN, tuyên truyền tổ chức lễ hội và các hoạt động khác 1.240 trđ
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 17/02/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	160	
	+ Nhiệm vụ 1: Hằng năm phần đầu mỗi dân tộc được bảo tồn ít nhất 1 di sản văn hoá truyền thống tốt đẹp, trong đó ưu tiên: Lễ hội, chữ viết, âm thực, trang phục, nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian	160	
	+) Kinh phí khôi phục lễ hội truyền thống	160	
	Kinh phí tổ chức lễ hội Tú Ti	80	Trung tâm Văn hóa, thể thao, truyền thông
	Kinh phí tổ chức lễ hội Gaux-Taox cha	80	
5	Sự nghiệp thể thao	628	
	- Trung tâm Văn hóa, thể thao, truyền thông	568	
	- Kinh phí tổ chức giải thể thao công nhân viên chức lao động	60	Liên đoàn lao động thành phố
6	Sự nghiệp truyền thanh	2.286	
	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	2.286	Đã bao gồm: Quỹ lương 1.466trđ; chi hành chính 130trđ; KP xây dựng duy trì chuyên mục tuyên truyền, quảng bá sản phẩm OCOP trên địa bàn 30trđ; KP sửa chữa, duy trì hệ thống truyền thanh không dây 70trđ; KP chi trả nhuận bút, tiền điện trạm phát sóng và các hoạt động đặc thù 370trđ; mua sắm tài sản 200trđ
7	Đảm bảo xã hội	6.839	
	- Phòng Lao động - TB&XH	6.539	
	+ Kinh phí thực hiện Nghị định 20/2021/NĐ-CP; mai táng phí cho các đối tượng thuộc nhiệm vụ chi của NSĐP; kinh phí cấp thẻ BHYT, người có công và các hoạt động bảo đảm xã hội khác	6.353	
	+ Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	171	
	+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động Hội nạn nhân chất độc da cam	15	
	- Kinh phí thăm hỏi đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ thành phố thực hiện	50	Ủy ban MTTQ thành phố
	- Kinh phí ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW	250	
8	Chi Quản lý hành chính	37.233	
8.1	Quản lý nhà nước	21.806	
	- Văn phòng HĐND - UBND	8.304	
	+ Văn phòng HĐND	2.354	Trong đó: Quỹ lương 720trđ, phụ cấp công vụ 136trđ; chi hành chính 60trđ; phụ cấp đại biểu HĐND 260trđ, KP báo chí 78trđ; KP đi thăm quan học tập kinh nghiệm: 200trđ; Chi hoạt động của HĐ và chi các hoạt động đặc thù khác 900trđ
	+ Văn phòng UBND	5.950	Trong đó đã bao gồm: Quỹ lương 2.138trđ; phụ cấp công vụ 398trđ; chi hành chính 204trđ; quỹ lương + chi hành chính hợp đồng theo ND 161 là 500trđ; chi hoạt động đặc thù 1.650trđ; KP hỗ trợ, thăm hỏi người có uy tín 11trđ; KP Đại hội Dân tộc thiểu số nhiệm kỳ 2024-2029 là 50trđ; KP đối ngoại 300trđ; và các nhiệm vụ chi thường xuyên khác 699trđ
	- Phòng Quản lý đô thị	1.282	Trong đó: Quỹ lương 983trđ; phụ cấp công vụ 181trđ; chi hành chính 108trđ; KP hoạt động cấp phép xây dựng 10trđ

Stt	Nội dung	Ngân sách thành phố	Ghi chú
	- Phòng Nội vụ	2.381	Trong đó: Quỹ lương 983trđ; phụ cấp công vụ 182trđ; chi hành chính 96trđ; KP kê khai tài sản, chi đặc thù 100trđ; KP thi đua khen thưởng 1.000trđ; KP thực hiện chương trình đối thoại giữa Chủ tịch UBND thành phố với thanh niên thành phố Lai Châu năm 2024 là 20trđ
	- Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.873	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương: 1.280trđ; phụ cấp công vụ: 237trđ; chi hành chính: 132trđ; kinh phí hoạt động quản lý mạng, điều hành chế độ quản lý ngân sách Tabmis, kinh phí đặc thù: 220tr; phụ cấp công tác giá 4trđ
	- Phòng Tài nguyên & Môi trường	1.257	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 962trđ; phụ cấp công vụ 175trđ; chi hành chính 120trđ
	- Phòng Kinh tế	1.713	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 1.204trđ; phụ cấp công vụ: 224trđ; chi hành chính 120 trđ; KP hoạt động công nghệ, chăm sóc kiến kinh nghiệm 50trđ; KP đánh giá, phân loại sản phẩm OCOP, tổ chức công bố và trao giấy chứng nhận OCOP 40trđ; duy trì ISO: 30trđ; KP giải quyết thủ tục hành chính 15trđ; KP lấy mẫu kiểm tra VSATTP lĩnh vực nông nghiệp và kiểm tra vật tư nông nghiệp 30 trđ
	- Phòng Tư pháp	957	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 599trđ; phụ cấp công vụ 109trđ; chi hành chính 60trđ; Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật theo QĐ số 01 của tỉnh, hoạt động Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật 130trđ; KP xây dựng, kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL hằng năm và kỳ 2019-2023 là 14trđ; KP Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật 10trđ; Kinh phí theo dõi thi hành pháp luật hoạt động quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính 35trđ
	- Phòng Lao động - TB&XH	981	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 733trđ, phụ cấp công vụ 136trđ; chi hành chính 72trđ, KP tháng hành động PCCN 10tr. KP vì sự tiến bộ của phụ nữ 15 trđ; KP kiểm tra liên ngành 15trđ
	- Phòng Văn hoá và Thông tin	863	Trong đó: quỹ lương 596trđ; phụ cấp công vụ 111trđ; chi hành chính 60trđ; kinh phí hoạt động cấp phép du lịch điều kiện kinh doanh lĩnh vực karaoke, internet, hoạt động đối kiểm tra liên ngành 814, duy trì hệ thống phần mềm mạng thư viện điện tử, duy trì hệ thống thông tin điện tử các xã, phường... 81trđ; KP hoạt động công tác gia đình 15trđ
	- Thanh tra thành phố	1.006	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 705trđ; phụ cấp công vụ 111trđ, chi hành chính 60trđ; hỗ trợ kinh phí giải quyết đơn thư, tiếp công dân, hoạt động tham mưu chấm điểm phòng chống tham nhũng và các hoạt động đặc thù khác 90trđ; KP trang phục 40 trđ
	- Phòng Giáo dục & ĐT	1.189	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 864trđ, phụ cấp công vụ 161trđ; chi hành chính 84trđ; KP hỗ trợ kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2024
8.2	Chi ngân sách Đảng	10.204	
8.2.1	Văn phòng Thành uỷ	9.675	Trong đó đã bao gồm: Quỹ lương 4.241trđ; phụ cấp công vụ 750trđ; phụ cấp đảng 900trđ; chi hành chính 490trđ; Quỹ lương và chi hành chính lao động hợp đồng: 279trđ; chi đặc thù 1.100trđ; KP trưng bày phòng truyền thống TP 500trđ; KP biên soạn, xuất bản cuốn lịch sử Đảng bộ TP 2004-2024 là 400trđ; KP tổ chức hội thi dân vận khéo năm 2024 là 50trđ; và các hoạt động chi thường xuyên khác 965trđ
8.2.2	KP thực hiện Quyết định 99 -QĐ/TW	290	
	- Các chi bộ cơ quan	290	
	+ Văn phòng Thành uỷ; Ban Tuyên giáo; Ban Tổ chức; Ủy ban kiểm tra	48	
	+ Văn phòng HĐND - UBND	12	
	+ Phòng Quản lý đô thị	14	
	+ Phòng Tư pháp	12	
	+ Phòng Nội vụ	14	
	+ Phòng Tài chính - KH	14	
	+ Phòng Tài nguyên & MT	14	
	+ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thành phố	12	
	+ Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông thành phố	14	
	+ Phòng Kinh tế	13	
	+ Phòng Lao động TBXH	12	
	+ Phòng Văn hoá và Thông tin	12	
	+ Thanh tra thành phố	12	
	+ Phòng Giáo dục & ĐT	12	
	+ Trung tâm PT quỹ đất	14	
	+ Đội Quản lý trật tự đô thị	12	

Stt	Nội dung	Ngân sách thành phố	Ghi chú
	+ Thành đoàn - Hội Cựu chiến binh	10	
	+ Hội liên hiệp Phụ nữ	13	
	+ Hội Nông dân	13	
	+ Ban dân vận - UB MTTQ	13	
8.2.3	Phụ cấp cấp ủy các chi bộ cơ quan	239	
	+ Văn phòng Thành ủy; Ban Tuyên Giáo; Ban Tổ chức; Ủy ban kiểm tra (05 người)	33	
	+ Văn phòng HDND - UBND (04 người)	26	
	+ Phòng Lao động TBXH (01 người)	7	
	+ Phòng Nội vụ (02 người)	13	
	+ Phòng Tài chính - Kế hoạch (02 người)	13	
	+ Phòng Kinh tế (02 người)	13	
	+ Phòng văn hóa (01 người)	7	
	+ Hội chữ thập đỏ (01 người)	7	
	+ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thành phố (03 người)	20	
	+ Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông thành phố (5 người)	33	
	+ Phòng Quản lý đô thị (01 người)	7	
	+ Phòng Tư pháp (01 người)	7	
	+ Trung tâm PT quy đất (02 người)	13	
	+ Đội Quản lý TTĐT (02 người)	13	
	+ Phòng Giáo dục & ĐT (02 người)	13	
	+ Thành đoàn - Hội Cựu chiến binh (01 người)	7	
	+ Ban dân vận - UB MTTQ (01 người)	7	
8.3	Đoàn thể	5.223	
8.3.1	Kinh phí đoàn thể	4.908	
	+ Ủy ban MTTQ	1.621	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 768trđ; phụ cấp công vụ 143trđ; phụ cấp đoàn thể 172trđ; chi hành chính 72trđ; kinh phí hoạt động đặc thù, thực hiện các hoạt động công tác Mặt trận 160trđ; KP tham gia góp ý xây dựng đảng thực hiện QĐ 217, 218 là 30trđ; KP khen thưởng theo Hướng dẫn số 40 là 25trđ; KP hoạt động ban tư vấn 12trđ; KP ủy viên UBMTTQVN 29trđ; KP hoạt động ban thanh tra nhân dân 15trđ; KP tổ chức ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc 15trđ; KP tổ chức hội nghị lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về phường đạt chuẩn văn minh: 30trđ; KP Đại hội MTTQ nhiệm kỳ 2024-2029 là 150trđ
	+ Thành đoàn	893	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 334trđ; phụ cấp công vụ 60trđ; phụ cấp đoàn thể 71trđ; chi hành chính 48trđ; kinh phí hoạt động các phong trào đoàn 160trđ; KP tham gia góp ý xây dựng đảng thực hiện QĐ 217, 218 là 10 trđ; KP Đại hội Hội Liên hiệp thanh niên TP nhiệm kỳ 2024-2029 là 150trđ; Hỗ trợ kinh phí Đại hội Hội Cựu thanh niên xung phong nhiệm kỳ 2024-2029 là 60trđ
	+ Hội Liên hiệp phụ nữ	915	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 432trđ; phụ cấp công vụ 80trđ; phụ cấp đoàn thể 95trđ; chi hành chính 48trđ; Kinh phí hoạt động đặc thù, tổ chức các hoạt động phong trào, sơ kết, tổng kết, hoạt động kết nghĩa với Đồn biên phòng Huổi Luông 150trđ; KP mua quà cho tân binh 30trđ; KP tham gia góp ý xây dựng đảng thực hiện QĐ 217, 218: 10 trđ; KP thực hiện Đề án 938, 939: 70trđ
	+ Hội Nông dân	833	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 451trđ; phụ cấp công vụ 84trđ; phụ cấp đoàn thể 100trđ; chi hành chính 48trđ, KP hoạt động đặc thù, sơ tổng kết các chương trình, tổ chức tham gia các hội thi 140trđ; KP tham gia góp ý xây dựng đảng thực hiện QĐ 217, 218 là 10 trđ
	+ Hội Cựu chiến binh	646	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 356trđ; phụ cấp công vụ 68trđ; phụ cấp đoàn thể 81trđ; chi hành chính 36trđ, KP hoạt động đặc thù và các hoạt động khác 100trđ; KP tham gia góp ý xây dựng đảng thực hiện QĐ 217, 218 là 5trđ
8.3.2	Hoạt động các hội	315	
	+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động Liên đoàn Lao động thành phố	80	KP tổ chức các hội thi, sự kiện 60trđ; KP tham gia góp ý xây dựng Đảng, phân biên xã hội theo QĐ số 217, 218 là 10trđ; KP thực hiện phong trào "Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá" 10trđ
	+ Hỗ trợ hoạt động Hội Văn học nghệ thuật	40	Phòng Văn hóa và Thông tin
	+ Hỗ trợ hoạt động Hội Cựu thanh niên xung phong	15	Thành đoàn
	+ Hỗ trợ hoạt động Hội Cựu giáo chức	75	Phòng Giáo dục và Đào tạo (Bao gồm: KP hoạt động Hội Cựu giáo chức 15trđ; KP Đại hội Hội Cựu giáo chức thành phố lần thứ III, nhiệm kỳ 2024-2029 là 60trđ)
	+ Hỗ trợ hoạt động Hội khuyến học	15	Phòng Giáo dục và Đào tạo

Stt	Nội dung	Ngân sách thành phố	Ghi chú
	+ Hỗ trợ hoạt động Hội Cựu chiến binh khối cơ quan	15	Hội Cựu chiến binh
	+ Hỗ trợ hoạt động Hội Luật gia	75	Phòng Tư pháp (Bao gồm: KP hoạt động Hội 15trđ; KP Đại hội Hội Luật gia, nhiệm kỳ 2024-2029 là 60trđ)
9	Chi an ninh - Quốc phòng	4.149	
9.1	Chi hỗ trợ an ninh địa phương	900	
	- Công an thành phố	900	
	+ Hỗ trợ nhiệm vụ An ninh địa phương (đã bao gồm các nhiệm vụ phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội; công tác xây dựng phong trào toàn dân xây dựng bảo vệ an ninh tổ quốc; công tác tuần tra đêm tổ 252, KP đảm bảo an ninh trật tự các ngày lễ, kỷ niệm ...)	900	
9.2	Quốc phòng địa phương	3.249	
	- Hỗ trợ quốc phòng địa phương	900	
	- Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn lịch sử quân sự thành phố Lai Châu giai đoạn 1950 - 2024	100	
	- Kinh phí huấn luyện dân quân, tự vệ	1.370	Ban chỉ huy quân sự thành phố
	- Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm của DQTV theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP	579	
	- Diễn tập ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn	300	
10	Chi khác ngân sách	620	
	* Hỗ trợ Kinh phí Ban chỉ đạo Công tác tôn giáo	40	
	- Văn phòng Thành ủy	40	
	* Hỗ trợ Kinh phí Ban chỉ đạo quy chế dân chủ	40	
	- Văn phòng Thành ủy	40	
	* Hỗ trợ công tác thu ngân sách	300	Chi cục thuế khu vực thành phố Lai Châu - Tam đường
	* Hỗ trợ kinh phí hoạt động các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ của địa phương	240	
	- Viện kiểm sát nhân dân thành phố	70	
	- Chi cục thi hành án dân sự thành phố	70	
	- Tòa án nhân dân thành phố	100	Đã bao gồm kinh phí hội thẩm
III	Dự phòng ngân sách	6.301	
1	Ngân sách thành phố	6.301	
	Kinh phí tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm, phun tiêu độc khử trùng môi trường năm 2024	495	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp
	Ngân sách thành phố	5.806	
IV	Tăng thu ngân sách 2024	3.500	
	- 70% tăng thu để CCTL theo quy định	2.450	
	- Kinh phí ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện Chi thị 40-CT/TW	1.050	
V	Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm	1.759	
VI	Nguồn thu sử dụng đất năm 2024 chưa phân bổ	13.309	Thực hiện phân bổ chi tiết khi đạt chi tiêu thu
B	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	5.216	
I	Vốn thực hiện các Chương trình MTQG	5.216	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	30	
	* Vốn sự nghiệp	30	
	- Nội dung thành phần số 11 (Nội dung 1): Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình...	30	
	+ Phòng Kinh tế	30	
2	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi	5.186	
	Vốn đầu tư	5.186	

Phụ lục VI
BIỂU CHI TIẾT DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số: 38/45 /BC-UBND ngày 04 / 12 / 2023 của UBND thành phố Lai Châu)

Stt	Nội dung	Tổng số giao thu	Phường Đoàn Kết	Phường Tân Phong	Phường Quyết Thắng	Phường Quyết Tiến	Phường Đông Phong	Xã San Thàng	Xã Sùng Phái
	Tổng thu ngân sách địa phương (I+II)	53.711	6.808	7.547	5.510	5.884	6.142	8.831	12.989
	Thu NSNN trên địa bàn	2.155	410	760	115	165	550	125	30
I	Thu NSNN trên địa bàn xã, phường hưởng	1.591	299	565	88	123	397	95	24
1	Thu lệ phí trước bạ nhà, đất	1.180	160	430	60	100	350	70	10
	- Ngân sách thành phố hưởng	354	48	129	18	30	105	21	3
	- Ngân sách xã, phường hưởng	826	112	301	42	70	245	49	7
2	Phí, lệ phí	765	220	230	40	50	170	40	15
	- Ngân sách thành phố hưởng	210	63	66	9	12	48	9	3
	- Ngân sách xã, phường hưởng	555	157	164	31	38	122	31	12
3	Thu khác ngân sách	210	30	100	15	15	30	15	5
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	52.120	6.509	6.982	5.422	5.761	5.745	8.736	12.965
1	Thu bổ sung cân đối	42.184	6.209	6.682	5.122	5.461	5.445	6.257	7.008
2	Thu bổ sung có mục tiêu	9.936	300	300	300	300	300	2.479	5.957

Phụ lục VII
BIỂU CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số: 3845 /BC-UBND ngày 04 / 12 /2023 của UBND thành phố Lai Châu)

DVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung chi	TỔNG CHI NGÂN SÁCH									
		Cộng	Phường Đoàn Kết	Phường Tân Phong	Phường Quyết Thắng	Phường Quyết Tiến	Phường Đông Phong	Xã San Thàng	Xã Sùng Phái		
		<u>53.711</u>	<u>6.808</u>	<u>7.547</u>	<u>5.510</u>	<u>5.884</u>	<u>6.142</u>	<u>8.831</u>	<u>12.989</u>		
1	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP XÃ	46.775	6.808	7.547	5.510	5.884	6.142	6.752	8.132		
1	Chi sự nghiệp kinh tế	3.120	250	420	250	250	250	450	1.250		
1.1	Sự nghiệp giao thông	300	-	-	-	-	-	100	200		
	Sự nghiệp giao thông	300	-	-	-	-	-	100	200		
1.2	Sự nghiệp kinh tế khác	2.820	250	420	250	250	250	350	1.050		
	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC	1.950	250	250	250	250	250	350	350		
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025 (Hỗ trợ phát triển trồng chè)	700							700		
	Hỗ trợ kinh phí duy trì tuyến phố đi bộ năm 2024	170		170							
2	Sự nghiệp văn hóa, thể thao	669	39	45	18	24	24	480	39		
	- KP hỗ trợ hoạt động của đội văn nghệ thôn bản theo Kết luận 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh"	219	39	45	18	24	24	30	39		
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 17/02/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	450	-	-	-	-	-	450	-		
	+) Xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa, nâng cấp bãi đỗ xe	150	-	-	-	-	-	150	-		
	Bản San Thàng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu	150						150			
	+) Xây dựng mới nhà vệ sinh công cộng	300	-	-	-	-	-	300	-		
	Bản San Thàng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu	300						300			
3	Đảm bảo xã hội	245	45	48	20	32	36	30	34		
	Kinh phí mừng thọ, chăm sóc người cao tuổi	175	35	38	10	22	26	20	24		
	Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo xã hội	70	10	10	10	10	10	10	10		
4	Chi quản lý hành chính cấp xã	39.855	5.968	6.468	4.938	5.264	5.502	5.423	6.292		
	Quy lương cán bộ chuyên trách	15.204	2.158	2.227	2.013	2.232	2.272	2.083	2.219		
	Phụ cấp công vụ	2.778	394	403	369	409	418	381	404		
	Phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và tổ dân phố, bản	11.335	1.987	2.305	1.095	1.342	1.357	1.375	1.874		
	Kinh phí ban thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng	37	5	5	5	5	5	5	7		
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội	175	25	25	25	25	25	25	25		
	Kinh phí thực hiện Quyết định số 99	1.132	155	170	108	167	169	159	204		
	Hỗ trợ thêm kinh phí văn hóa, thể thao	665	100	100	90	90	90	95	100		

Stt	Nội dung chi	Cộng	Phường Đoàn Kết	Phường Tân Phong	Phường Quyết Thắng	Phường Quyết Tiến	Phường Đông Phong	Xã San Thàng	Xã Sùng Phái
	KP thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	710	20	40	115	5	60	200	270
	Kinh phí thực hiện CCHC; duy trì ISO; tuyên truyền phổ biến GDP, hoạt động hòa giải cơ sở; hỗ trợ cán bộ trực 1 cửa; giải quyết đơn thư, tiếp công dân	455	61	79	60	60	60	65	70
	Hỗ trợ hoạt động tổ dân vận ở bản, tổ dân phố	32	4	5	3	3	3	5	9
	Tiền điện, sửa chữa các cụm loa trạm truyền thanh không dây	165	28	22	12	25	30	20	28
	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án, Nghị quyết	350	50	50	50	50	50	50	50
	Đại hội Mặt trận tổ quốc Việt Nam khóa V, nhiệm kỳ 2024-2029	150	20	20	20	25	20	20	25
	Kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam lần thứ IV, nhiệm kỳ 2024-2029	150	25	20	20	20	20	20	25
	Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị tổng kết nhiệm kỳ Ban công tác mặt trận khu dân cư	72	13	15	6	8	8	9	13
	Hỗ trợ kinh phí Đại hội Hội Cựu TNXP lần thứ IV, nhiệm kỳ 2024-2029	34	5	8	-	5	5	5	6
	Kinh phí hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	26	1	1	6	1	1	3	13
	Hỗ trợ hoạt động các chi hội thuộc ban đặc biệt khó khăn theo QĐ số 22/QĐ-UBND của UBND tỉnh	25							25
	Kinh phí đảm bảo thực hiện cuộc vận động của Ủy ban MTTQVN cấp xã theo NQ số 22/2018/NQ-HĐND	140	20	20	20	20	20	20	20
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban công tác mặt trận khu dân cư	326	59	70	25	35	38	40	59
	Kinh phí giám sát, phân biện xã hội theo QĐ số 217, 218-QĐ/TW, QĐ số 124-QĐ/TW của BCH TW Đảng	70	10	10	10	10	10	10	10
	Phụ cấp thâm niên, đặc thù theo ND 72/2020/ND-CP	159	19	26	32	10	27	10	35
	Kinh phí phụ cấp đại biểu HĐND và kinh phí thực hiện NQ số 45/2016/NQ-HĐND	1.420	199	213	191	191	200	221	205
	Kinh phí ủy viên BCH Đảng bộ	645	91	85	98	91	91	98	91
	Kinh phí duy trì bản sắc văn hóa dân tộc Thái, phường Đoàn Kết	30	30						
	Kinh phí duy trì bản sắc dân tộc Giáy, xã San Thàng	30						30	
	Kinh phí duy trì bản sắc dân tộc Giáy, tổ chức lễ hội truyền thống phường Quyết Thắng	70			70				
	Kinh phí duy trì bản sắc dân tộc Mông	30							30
	Kinh phí chi trả chế độ hàng tháng đối với đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Lai Châu được tặng huy hiệu Đảng từ 40 năm tuổi đảng trở lên theo NQ số 27/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	58					11	29	18
	Hưu trí	105			35		70		
	Kinh phí tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập phường	150	50	50	50				
	Kinh phí tổ chức hội chợ hoa xuân năm 2024	35		35					
	Hỗ trợ kinh phí xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo Thông tư số 40/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính	140	20	20	20	20	20	20	20
	Kinh phí mua sắm tài sản (Không thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung tại tỉnh)	350	50	50	50	50	50	50	50
	Hỗ trợ cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	45	9	9	5	5	7	5	5
	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án 938, 939 của Chính phủ về "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội" và "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2018 - 2025"	70	10	10	10	10	10	10	10

Stt	Nội dung chi	Cộng	Phường Đoàn Kết	Phường Tân Phong	Phường Quyết Thắng	Phường Quyết Tiến	Phường Đông Phong	Xã Sơn Thang	Xã Sùng Phái
2.1	Vốn đầu tư	1.792	-	-	-	-	-	-	1.792
	- Công trình cấp nước sinh hoạt đến các hộ bản Tả Chải, Trung Chải xã Sùng Phái	374							374
	- Dự án hỗ trợ nhà ở, xã Sùng Phái	80							80
	- Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Sin Chải, xã Sùng Phái	821							821
	- Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Suối Thầu, xã Sùng Phái	517							517

Phụ lục VIII

BIỂU CHI TIẾT DANH MỤC MUA SẴM TÀI SẢN NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 3845 /BC-UBND ngày 04/12/2023 của UBND thành phố Lai Châu)

DVT: đồng

Stt	Đơn vị/Tài sản	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung (Kinh phí cấp về Văn phòng HĐND-UBND)	Tài sản không thuộc danh mục mua sắm tập trung (Kinh phí cấp về các cơ quan, đơn vị mua sắm)	Ghi chú
TỔNG CỘNG					1.010.000.000	676.000.000	334.000.000	
A	KHỎI CÁC CƠ QUAN VÀ ĐOÀN THỂ				654.000.000	320.000.000	334.000.000	
1	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ				600.000.000	285.000.000	315.000.000	
1	Văn phòng Thành ủy				30.000.000	15.000.000	15.000.000	
	Máy tính xách tay	cái	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
	Bộ bàn ghế làm việc (chuyên viên văn phòng)	bộ	2	5.000.000	10.000.000		10.000.000	
	Bộ bàn ghế làm việc phòng lãnh đạo (P. Chủ nhiệm UBND)	bộ	1	5.000.000	5.000.000		5.000.000	
2	Trung tâm Chính trị				50.000.000	50.000.000	50.000.000	
	Điều hoà cây	cái	2	25.000.000	50.000.000		50.000.000	
3	Phòng Nội vụ				26.600.000	25.000.000	1.600.000	
	Máy vi tính	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
	Máy in 2 mặt	cái	1	10.000.000	10.000.000	10.000.000		
	Ghế xoay	cái	2	800.000	1.600.000		1.600.000	
4	Phòng Tư pháp				15.000.000	15.000.000		
	Máy vi tính	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
5	Đội Quản lý trật tự đô thị				19.400.000	15.000.000	4.400.000	
	Máy vi tính để bàn	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
	Giá để tài liệu	cái	1	4.400.000	4.400.000		4.400.000	
6	Văn phòng HĐND-UBND				40.000.000	40.000.000		
	Máy in 2 mặt	cái	1	10.000.000	10.000.000	10.000.000		
	Máy vi tính để bàn	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
	Máy tính xách tay	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
7	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp				15.000.000	15.000.000		
	Máy vi tính để bàn	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
8	Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông				215.000.000	15.000.000	200.000.000	
	Máy tính xách tay	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
	Máy quay phim	máy	1	200.000.000	200.000.000		200.000.000	
9	Phòng Văn hóa và thông tin				20.000.000	10.000.000	10.000.000	
	Máy in 2 mặt	máy	1	10.000.000	10.000.000	10.000.000		
	Rèm cửa	bộ	1	10.000.000	10.000.000		10.000.000	

Stt	Đơn vị/Tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung (Kinh phí cấp về phòng HDND-UBND)	Tài sản không thuộc danh mục mua sắm tập trung (Kinh phí cấp về các cơ quan, đơn vị mua sắm)	Ghi chú
10	Phòng Tài chính - Kế hoạch					35.000.000		
	Máy vi tính để bàn	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
	Tủ tài liệu	cái	2	5.000.000	10.000.000	10.000.000		
	Máy in 2 mặt	cái	1	10.000.000	10.000.000	10.000.000		
11	Phòng Quản lý đô thị					10.000.000		
	Tủ đựng tài liệu	cái	2	5.000.000	10.000.000	10.000.000		
12	Thanh tra thành phố					15.000.000		
	Máy vi tính	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
13	Trung tâm phát triển quỹ đất					49.000.000	24.000.000	
	Máy vi tính để bàn	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
	Máy in 2 mặt	cái	1	10.000.000	10.000.000	10.000.000		
	Máy scan	cái	1	10.000.000	10.000.000		10.000.000	
	Bàn làm việc phòng chuyên viên	cái	1	3.000.000	3.000.000		3.000.000	
	Bàn họp	Bộ	1	6.000.000	6.000.000		6.000.000	
	Ghế gập Hòa phát	cái	10	500.000	5.000.000		5.000.000	
14	Phòng Tài nguyên và Môi trường					25.000.000		
	Máy vi tính	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
	Tủ tài liệu	cái	2	5.000.000	10.000.000	10.000.000		
15	Phòng Lao động - TBXH					10.000.000		
	Máy in 2 mặt	cái	1	10.000.000	10.000.000	10.000.000		
16	Phòng Kinh tế					10.000.000	10.000.000	
	Máy Scan	máy	1	10.000.000	10.000.000		10.000.000	
17	Phòng Giáo dục - đào tạo					15.000.000		
	Máy vi tính xách tay	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
II KHÔI ĐOÀN THỂ						54.000.000	19.000.000	
1	Ủy ban MTTQ					27.600.000	7.600.000	
	Máy vi tính xách tay	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
	Tủ tài liệu phòng Phó chủ tịch	cái	1	5.000.000	5.000.000		5.000.000	
	Ghế xoay chuyên viên	cái	2	800.000	1.600.000		1.600.000	
	Bàn làm việc chuyên viên	cái	1	3.000.000	3.000.000		3.000.000	
	Ghế làm việc phòng Phó chủ tịch	cái	1	3.000.000	3.000.000		3.000.000	
2	Hội Cựu chiến binh					18.800.000	3.800.000	
	Máy vi tính để bàn	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
	Ghế xoay chuyên viên	cái	1	800.000	800.000		800.000	
	Bàn làm việc chuyên viên	cái	1	3.000.000	3.000.000		3.000.000	

Stt	Đơn vị/Tài sản	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung (Kính phi cấp về Văn phòng HĐND-UBND)	Tài sản không thuộc danh mục mua sắm tập trung (Kính phi cấp về các cơ quan, đơn vị mua sắm)	Ghi chú
3	Hội phụ nữ Máy chiếu	Máy			0		0	
4	Hội Nông dân Ghế xoay chuyên viên	cái	2	800.000	7.600.000		7.600.000	
	Bàn làm việc chuyên viên	cái	2	3.000.000	6.000.000		6.000.000	
B	UBND XÃ PHƯỚC				356.000.000	356.000.000		
1	UBND phường Đoàn Kết Máy vi tính để bàn	bộ	1	15.000.000	15.000.000	100.000.000	15.000.000	
	Máy vi tính xách tay	bộ	1	15.000.000	15.000.000		15.000.000	
	Máy in 02 mặt	Máy	1	10.000.000	10.000.000		10.000.000	
	Máy photocopy	Máy	1	60.000.000	60.000.000		60.000.000	
2	UBND phường Quyết Thắng Máy vi tính để bàn	bộ	1	15.000.000	15.000.000	46.000.000	15.000.000	
	Máy vi tính xách tay	bộ	1	15.000.000	15.000.000		15.000.000	
	Máy in 02 mặt	cái	1	10.000.000	10.000.000		10.000.000	
	Tủ tài liệu	cái	2	3.000.000	6.000.000		6.000.000	
3	UBND phường Tân Phong Máy vi tính để bàn	bộ	1	15.000.000	15.000.000	40.000.000	15.000.000	
	Máy vi tính xách tay	bộ	1	15.000.000	15.000.000		15.000.000	
	Máy in 02 mặt	cái	1	10.000.000	10.000.000		10.000.000	
4	UBND xã Sùng Phái Máy vi tính để bàn	bộ	1	15.000.000	15.000.000	40.000.000	15.000.000	
	Máy vi tính xách tay	bộ	1	15.000.000	15.000.000		15.000.000	
	Máy in 02 mặt	cái	1	10.000.000	10.000.000		10.000.000	
5	UBND xã Sơn Thành Máy vi tính để bàn	bộ	1	15.000.000	15.000.000	75.000.000	15.000.000	
	Máy photocopy	cái	1	60.000.000	60.000.000		60.000.000	
6	UBND phường Quyết Tiến Máy vi tính để bàn	bộ	1	15.000.000	15.000.000	30.000.000	15.000.000	
	Máy vi tính xách tay	bộ	1	15.000.000	15.000.000		15.000.000	
7	UBND phường Đông Phong Máy vi tính xách tay	Bộ	1	15.000.000	25.000.000	25.000.000	15.000.000	
	Máy in 2 mặt (BP3300)	Cái	1	10.000.000	10.000.000		10.000.000	

